

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 135/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã được ĐHĐCĐ thành lập biểu quyết thông qua ngày 19/9/2007 và được sửa đổi, bổ sung lần 11 vào ngày 04/11/2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, số: 134/BB-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 22/6/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua (i) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và (ii) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

(i) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

<u>Nội dung</u>	<u>KH 2022</u>	<u>Thực hiện</u>	<u>Tỷ lệ%</u>
- Doanh thu	350,00 tỷ đồng	259,53 tỷ đồng	74%
- Lợi nhuận	26,00 tỷ đồng	23,60 tỷ đồng	91%
- Đầu tư XD và mua TSCĐ	9,00 tỷ đồng	0,98 tỷ đồng	11%

(ii) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Kế hoạch doanh thu:	285,00 tỷ đồng
- Kế hoạch lợi nhuận:	26,00 tỷ đồng
- Kế hoạch đầu tư xây dựng:	15,00 tỷ đồng
- Kế hoạch mua sắm tài sản cố định:	7,00 tỷ đồng

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ủy quyền HĐQT điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2023 trong trường hợp các chỉ tiêu SXKD đạt mức cao hơn.

Điều 2: Thông qua (i) Kết quả tài chính năm 2022 đã kiểm toán và (ii) Kế hoạch tài chính năm 2023 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

(i) Kết quả tài chính năm 2022 đã kiểm toán:

<u>Nội dung</u>	<u>KH năm 2022</u>	<u>Thực hiện</u>	<u>Tỷ lệ%</u>
- Vốn điều lệ:	95,17 tỷ đồng	95,17 tỷ đồng	100%
- Doanh thu thực hiện trong năm:	350,00 tỷ đồng	259,53 tỷ đồng	74%
- Lợi nhuận trước thuế:	26,00 tỷ đồng	23,60 tỷ đồng	91%
- Lợi nhuận sau thuế:	20,80 tỷ đồng	19,89 tỷ đồng	95%

(ii) Kế hoạch tài chính năm 2023:

- Tổng doanh thu:	285,00 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	26,00 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	20,80 tỷ đồng

Điều 3: Thông qua (i) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và (ii) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty như sau:

(i) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

1. Lợi nhuận sau thuế:	19.886 triệu đồng
2. Lợi nhuận năm trước để lại:	1.874 triệu đồng
3. Lợi nhuận được phân phối (LNPP) (=1+2):	21.760 triệu đồng
4. Phân phối lợi nhuận:	
a) Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi (10% LNST):	1.989 triệu đồng
b) Trích quỹ thưởng NQL và KSV (1,5 tháng lương):	700 triệu đồng
c) Trả cổ tức bằng tiền mặt (5% mệnh giá):	4.759 triệu đồng
d) Trích quỹ Đầu tư phát triển (30% LNST):	5.966 triệu đồng
e) Lợi nhuận còn lại sau phân phối:	8.346 triệu đồng

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 giao HĐQT và Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2022 theo đúng quy định hiện hành.

(ii) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023:

1. Tỷ lệ trả cổ tức: Không thấp hơn 12%/mệnh giá;
2. Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% LNST 2023;
3. Trích Quỹ thưởng NQL và KSV: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH;
4. Trích Quỹ Đầu tư phát triển: Tối đa 30% LNST.

Điều 4: Thông qua (i) Quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2022 và (ii) Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 cho các Thành viên HĐQT và BKS:

(i) Quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2022:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số người	Mức lương tháng/người	Mức thù lao tháng/người	Tổng thu nhập năm
I	Hội đồng quản trị				
A	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/06/2022				
1	Chủ tịch HĐQT	01	31,86	0	191,17
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	01	30,68	0	184,10
3	Thành viên HĐQT không chuyên trách	02	0	5,45	65,40
B	Từ ngày 24/06/2022 đến ngày 31/12/2022				
1	Chủ tịch HĐQT	01	31,86	0	191,17

TT	Nội dung	Số người	Mức lương tháng/người	Mức thù lao tháng/người	Tổng thu nhập năm
2	Thành viên HĐQT kiêm quyền Tổng giám đốc	01	27,14	0	162,86
3	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	02	27,14	0	325,72
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	01	0	5,45	32,68
II Ban kiểm soát					
1	Trưởng BKS (chuyên trách)	01	28,32	0	339,88
2	Thành viên BKS (không chuyên trách)	02	0	5,45	130,72
Tổng cộng					1.623,70

(ii) Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 cho các Thành viên HĐQT và BKS:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số người	Mức lương tháng/người	Mức thù lao tháng/người	Tổng thu nhập năm
I Hội đồng quản trị					
1	Chủ tịch HĐQT	01	35,1	0	421,20
2	Thành viên HĐQT kiêm TGD /kiêm quyền TGD	01	33,8	0	405,60
3	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	02	29,9	0	717,60
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	01	0	5,98	71,76
II Ban kiểm soát					
1	Trưởng BKS (chuyên trách)	01	31,2	0	374,40
2	Thành viên BKS (không chuyên trách)	02	0	5,98	143,52
Tổng cộng					2.134,08

Điều 5: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty giai đoạn 2023-2025; miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

Điều 6: Thông qua chủ trương đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 tại Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ lô đất số 8, khu trụ sở các ban ngành thuộc phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp nhu cầu làm việc và định hướng phát triển trong thời gian tới của EVNPECC3.

Giao Hội đồng quản trị EVNPECC3 xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm toàn diện theo quy định của pháp luật trong việc tổ chức triển khai thủ tục đầu tư dự án xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc tại địa chỉ lô đất số 8, khu trụ sở các ban ngành thuộc phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 7: Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12):

7.1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ như sau:

(i) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2: Người đại diện theo pháp luật:

a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

- Trường hợp Công ty đã bổ nhiệm được Tổng giám đốc: Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

- Trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm được Tổng giám đốc mà chỉ có người thực hiện quyền Tổng giám đốc: Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và người thực hiện quyền Tổng giám đốc có chức danh cụ thể theo quy định của pháp luật. Trong đó, quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được quy định như sau:

+ *Chủ tịch Hội đồng quản trị:* Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

+ *Quyền Tổng giám đốc:* Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc và có các quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan, trừ quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật do Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nêu trên.

b. Người đại diện pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ, quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ này và khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

c. Công ty đảm bảo luôn có ít nhất 01 (một) người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam.

(ii) Sửa đổi, bổ sung chi tiết ngành, nghề kinh doanh tại khoản 1 Điều 3: Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Điều khoản	Điều lệ sửa đổi, bổ sung (lần 12)	Ghi chú
Điểm o khoản 1 Điều 3	Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng; Các dịch vụ thí nghiệm tính chất cơ lý đất đá và vật liệu xây dựng; Giám định trong lĩnh vực xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp (<i>trừ giám định tư pháp</i>).	Tên ngành: hoạt động kiến trúc và tư vấn về kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7110)

Điều khoản	Điều lệ sửa đổi, bổ sung (lần 12)	Ghi chú
Điểm t khoản 1 Điều 3	...Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình điện, công trình dân dụng, công nghiệp, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn và cơ sở hạ tầng (trừ xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội) ...;	Tên ngành: xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4299)

7.2. Giao Người đại diện theo pháp luật ký ban hành Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12) và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để hoàn tất nội dung điều chỉnh chi tiết một số ngành, nghề kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 8: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, với các nội dung thay đổi như sau:

- Áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (theo khoản 4 và khoản 5 Điều 2 mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).
- HĐQT căn cứ tình hình, điều kiện thực tế quyết định lựa chọn phương thức tổ chức họp ĐHĐCĐ phù hợp.

Điều 9: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 thống nhất thông qua Nghị quyết này với 9 Điều và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện.

**TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CHỦ TỌA**



**Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 134/BB-ĐHĐCĐ-TVĐ3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2023

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Trụ sở chính: số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0301475102, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

A. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

Thời gian: Từ 08 giờ 30 phút đến 12 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 6 năm 2023.

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

B. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Đoàn Chủ tịch:

- | | | |
|-----------------------------|--------------------|-----------------|
| - Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn | Chủ tịch HĐQT | Chủ tọa |
| - Ông Lạc Thái Phước | Thành viên HĐQT, | Q.Tổng giám đốc |
| - Ông Võ Văn Phương | Thành viên độc lập | HĐQT |

2. Hội đồng quản trị:

- | | |
|-----------------------------|----------------------------------|
| - Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Lạc Thái Phước | Thành viên HĐQT, Q.Tổng giám đốc |
| - Ông Trần Quốc Điền | Thành viên HĐQT |
| - Ông Trần Lê Minh | Thành viên HĐQT |
| - Ông Võ Văn Phương | Thành viên độc lập HĐQT |

3. Ban kiểm soát:

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| - Bà Trương Thị Anh Đào | Trưởng Ban kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Minh Hiếu | Kiểm soát viên |
| - Ông Nguyễn Văn Thiện | Kiểm soát viên |

4. Khách mời tham dự Đại hội:

- | | |
|----------------------|---|
| - Ông Vũ Mạnh Hùng | Phó Ban Quản lý Đầu tư vốn - EVN |
| - Bà Đinh Hà Linh | Chuyên viên Ban quản lý Đầu tư vốn EVN |
| - Ông Phạm Nam Phong | Chủ tịch kiêm Giám đốc C.ty TNHH VP Invest |
| - Ông Lê Bình Phương | Chủ nhiệm kiểm toán, Công ty kiểm toán VACO |

- Ông Văn Khải Nhiệm Trưởng nhóm kiểm toán, C.ty kiểm toán VACO
- 5. Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty: chi tiết theo báo cáo tại mục D.I.4 báo cáo kết quả số cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (Đại hội).
- 6. Ban Tổ chức
 - Ông Nguyễn Văn Long Trưởng Ban
 - và các thành viên theo Quyết định số 52/QĐ-TVĐ3, ngày 28/3/2023.
- 7. Ban Đón tiếp cổ đông:
 - Bà Trương Thị Anh Đào Trưởng Ban
 - và các thành viên theo Quyết định số 52/QĐ-TVĐ3, ngày 28/3/2023.

C. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Các thủ tục khai mạc.
2. Các báo cáo trình Đại hội:
 - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022;
 - Báo cáo Kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023;
 - Báo cáo tình hình tài chính 2022 và Kế hoạch tài chính năm 2023;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - Đại hội thảo luận, góp ý và biểu quyết thông qua các báo cáo.
3. Các Tờ trình Đại hội:
 - Tờ trình Kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023;
 - Tờ trình thông qua Kết quả tài chính năm 2022 đã kiểm toán và Kế hoạch tài chính năm 2023;
 - Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023;
 - Tờ trình Quyết toán tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2022, Kế hoạch tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2023;
 - Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn 2023-2025;
 - Tờ trình thông qua chủ trương đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 tại Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Tờ trình thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và dự thảo Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12);
 - Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của EVNPECC3;
 - Đại hội thảo luận, góp ý và biểu quyết thông qua các Tờ trình.

D. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

I. Các thủ tục khai mạc

1. Ông Phạm Trần Quốc Việt - Thành viên Ban Tổ chức điều khiển chương trình Đại hội:
 - Chào cờ.

- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành;
- Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2023.

2. Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Ông Lạc Thái Phước - Thành viên HĐQT, Quyền Tổng giám đốc, thay mặt Ban điều hành Công ty báo cáo Đại hội kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3, với các nội dung cụ thể như sau:

2.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022:

a) Doanh thu và lợi nhuận

<u>Nội dung</u>	<u>Kế hoạch</u>	<u>Thực hiện</u>	<u>Đạt tỷ lệ</u>
Doanh thu năm 2022:	350,00 tỷ đồng	259,53 tỷ đồng	74%
Lợi nhuận trước thuế:	26,00 tỷ đồng	23,60 tỷ đồng	91%
Lợi nhuận sau thuế:	20,80 tỷ đồng	19,89 tỷ đồng	96%

b) Thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng: không có.

c) Mua sắm TSCĐ:

<u>Nội dung</u>	<u>Kế hoạch</u>	<u>Thực hiện</u>	<u>Đạt tỷ lệ</u>
Mua sắm tài sản cố định:	9,00 tỷ đồng	0,98 tỷ đồng	11%

2.2 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

- a) Kế hoạch doanh thu: 285,00 tỷ đồng
- b) Kế hoạch lợi nhuận: 26,00 tỷ đồng
- c) Kế hoạch mua sắm tài sản cố định: 7,00 tỷ đồng
- d) Kế hoạch đầu tư xây dựng: 15,00 tỷ đồng

3. Báo cáo tình hình tài chính năm 2022 và Kế hoạch tài chính năm 2023:

Ông Phạm Hoàng Vinh, Kế toán trưởng, thay mặt Công ty báo cáo Đại hội tình hình tài chính năm 2022 và Kế hoạch tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

3.1 Bảng cân đối kế toán năm 2022:

Bảng cân đối kế toán năm 2022 (31/12/2022):

<u>Nội dung</u>	<u>Số dư đầu năm</u>	<u>Số dư cuối năm</u>
1- Tài sản ngắn hạn	207.663 triệu đồng	153.815 triệu đồng
+ Tiền và tương đương tiền	35.993 triệu đồng	17.306 triệu đồng
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.221 triệu đồng	221 triệu đồng
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	145.823 triệu đồng	108.394 triệu đồng
+ Hàng tồn kho	21.144 triệu đồng	26.546 triệu đồng
+ Tài sản ngắn hạn khác	482 triệu đồng	1.348 triệu đồng
2- Tài sản dài hạn	120.525 triệu đồng	115.646 triệu đồng
+ Các khoản phải thu dài hạn	43.293 triệu đồng	42.312 triệu đồng
+ Tài sản cố định	19.863 triệu đồng	17.003 triệu đồng
+ Tài sản dở dang dài hạn	162 triệu đồng	292 triệu đồng

+ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	53.150 triệu đồng	53.150 triệu đồng
+ Tài sản dài hạn khác	4.057 triệu đồng	2.889 triệu đồng
3- Tổng cộng tài sản (1+2):	328.188 triệu đồng	269.461 triệu đồng
4- Nợ phải trả:	203.299 triệu đồng	127.412 triệu đồng
+ Nợ ngắn hạn	203.299 triệu đồng	127.412 triệu đồng
5- Vốn chủ sở hữu:	124.889 triệu đồng	142.049 triệu đồng
+ Vốn chủ sở hữu	124.889 triệu đồng	142.049 triệu đồng
- Vốn đầu tư của CSH	82.761 triệu đồng	95.173 triệu đồng
- Thặng dư vốn cổ phần	0 triệu đồng	0 triệu đồng
- Cổ phiếu quỹ	0,14 triệu đồng	0,14 triệu đồng
- Quỹ Đầu tư phát triển	19.072 triệu đồng	25.116 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế	23.056 triệu đồng	21.760 triệu đồng
6- Tổng cộng nguồn (4+5):	328.188 triệu đồng	269.461 triệu đồng

Ghi chú: Giá sổ sách cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2022 là:

$$(142.048.719.330 \text{ đồng} / 9.517.303 \text{ cổ phiếu} = 14.925 \text{ đồng/cổ phiếu})$$

3.2 Kế hoạch tài chính năm 2023:

- Tổng doanh thu: 285,00 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 26,00 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 20,80 tỷ đồng

4. Báo cáo của Ban kiểm soát:

Bà Trương Thị Anh Đào - Trưởng Ban kiểm soát (BKS), thay mặt BKS báo cáo các nội dung sau:

- Hoạt động của BKS trong năm 2022;
- Thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc;
- Một số kiến nghị của BKS;
- Kế hoạch công tác năm 2023 của BKS.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo (i) hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, (ii) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, (iii) Tình hình tài chính năm 2022 và Kế hoạch tài chính năm 2023 và (iv) Báo cáo của Ban kiểm soát với kết quả như sau:

- Số CP tán thành: 7.277.173 CP; tỷ lệ: 100% số CP tham dự Đại hội
- Số CP không tán thành: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội
- Số CP có ý kiến khác: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội

Ý kiến thảo luận, góp ý:

- Đối với báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

- + Bổ sung bài học kinh nghiệm trong công tác điều hành Công ty khi doanh thu chỉ đạt 74%, nhưng lợi nhuận đạt 91%;

+ Bổ sung trong báo cáo tiêu chí doanh thu trên nhân sự và các giải pháp tối ưu nguồn lực bằng hệ thống quy chế quản trị nội bộ, thiết lập các công cụ đánh giá nhân sự để nâng cao năng suất lao động.

5. Thông qua Tờ trình kết quả SXKD 2022 và Kế hoạch SXKD 2023:

Ông Lạc Thái Phước - Thành viên HĐQT, Quyền Tổng giám đốc, đọc tờ trình của HĐQT số:124/TTr-HĐQT-TVĐ3 ngày 21/6/2023 về kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD 2023.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

- Số CP tán thành: 7.277.173 CP; tỷ lệ: 100% số CP tham dự Đại hội
- Số CP không tán thành: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội
- Số CP có ý kiến khác: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội

6. Thông qua Tờ trình Kết quả tài chính năm 2022 đã kiểm toán và Kế hoạch tài chính năm 2023:

Ông Lạc Thái Phước - Thành viên HĐQT, Quyền Tổng giám đốc, đọc tờ trình của HĐQT số: 125/TTr-HĐQT-TVĐ3 ngày 21/6/2023 về việc thông qua Kết quả tài chính năm 2022 đã kiểm toán và Kế hoạch tài chính năm 2023.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung theo Tờ trình với kết quả như sau:

- Số CP tán thành: 7.277.173 CP; tỷ lệ: 100% số CP tham dự Đại hội
- Số CP không tán thành: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội
- Số CP có ý kiến khác: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội

7. Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023:

Ông Trần Lê Minh - Thành viên HĐQT, đọc tờ trình của HĐQT số: 126/TTr-HĐQT-TVĐ3 ngày 21/6/2023 về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023.

Đại hội đã thảo luận và thống nhất các nội dung cụ thể như sau:

7.1 Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

1. Lợi nhuận sau thuế 2022 (LNST):	19.886 triệu đồng
2. Lợi nhuận năm trước để lại:	1.874 triệu đồng
3. Lợi nhuận được phân phối (LNPP) (=1+2):	21.760 triệu đồng
4. Phân phối lợi nhuận:	
a) Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% LNST):	1.989 triệu đồng
b) Trích Quỹ thưởng NQL và KSV (1,5 tháng lương):	700 triệu đồng
c) Trả cổ tức bằng tiền mặt (5% mệnh giá):	4.759 triệu đồng
d) Trích quỹ Đầu tư phát triển (30% LNST):	5.966 triệu đồng
e) Lợi nhuận còn lại sau phân phối:	8.346 triệu đồng

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 giao HĐQT và Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2022 theo đúng quy định hiện hành.

7.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023:

1. Tỷ lệ trả cổ tức: Không thấp hơn 12%/mệnh giá;
2. Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 10% LNST 2023;
3. Trích Quỹ thưởng NQL và KSV: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH;
4. Trích Quỹ Đầu tư phát triển: Tối đa 30% LNST.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

- Số CP tán thành: 7.277.173 CP; tỷ lệ: 100% số CP tham dự Đại hội
- Số CP không tán thành: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội
- Số CP có ý kiến khác: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội

Ý kiến thảo luận, góp ý:

- Đề nghị xem xét chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ còn lại (7%) để đảm bảo thực hiện theo đúng cam kết;

8. Thông qua Tờ trình Quyết toán tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2022, Kế hoạch tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2023:

Ông Trần Lê Minh - Thành viên HĐQT, đọc tờ trình của HĐQT số: 127/TTr-HĐQT-TVĐ3 ngày 21/6/2023 về việc Quyết toán tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2022, Kế hoạch tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2023.

Đại hội đã thảo luận và thống nhất các nội dung cụ thể như sau:

8.1 Quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2022

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số người	Mức lương tháng/người	Mức thù lao tháng/người	Tổng thu nhập năm
I	Hội đồng quản trị				
A	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/06/2022				
1	Chủ tịch HĐQT	01	31,86	0	191,17
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	01	30,68	0	184,10
3	Thành viên HĐQT không chuyên trách	02	0	5,45	65,40
B	Từ ngày 24/06/2022 đến ngày 31/12/2022				
1	Chủ tịch HĐQT	01	31,86	0	191,17
2	Thành viên HĐQT kiêm quyền Tổng giám đốc	01	27,14	0	162,86

TT	Nội dung	Số người	Mức lương tháng/người	Mức thù lao tháng/người	Tổng thu nhập năm
3	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	02	27,14	0	325,72
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	01	0	5,45	32,68
II	Ban kiểm soát				
1	Trưởng BKS (chuyên trách)	01	28,32	0	339,88
2	Thành viên BKS (không chuyên trách)	02	0	5,45	130,72
	Tổng cộng				1.623,70

8.2 Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 cho các Thành viên HĐQT và BKS

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số người	Mức lương tháng/người	Mức thù lao tháng/người	Tổng thu nhập năm
I	Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	01	35,1	0	421,20
2	Thành viên HĐQT kiêm TGD /kiêm quyền TGD	01	33,8	0	405,60
3	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	02	29,9	0	717,60
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	01	0	5,98	71,76
II	Ban kiểm soát				
1	Trưởng BKS (chuyên trách)	01	31,2	0	374,40
2	Thành viên BKS (không chuyên trách)	02	0	5,98	143,52
	Tổng cộng				2.134,08

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

- Số CP tán thành: 7.277.173 CP; tỷ lệ: 100% số CP tham dự Đại hội
- Số CP không tán thành: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội
- Số CP có ý kiến khác: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội

9. Thông qua Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn 2023-2025:

Ông Võ Văn Phương - Thành viên độc lập HĐQT, đọc tờ trình của HĐQT số: 128/TTr-HĐQT-TVĐ3 ngày 21/6/2023 về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn 2023-2025.

Đại hội đã thảo luận và chấp thuận ủy quyền cho HĐQT phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty giai đoạn 2023-2025; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

- Số CP tán thành: 7.277.173 CP; tỷ lệ: 100% số CP tham dự Đại hội
- Số CP không tán thành: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội
- Số CP có ý kiến khác: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội

10. Thông qua Tờ trình chủ trương đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 tại Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Võ Văn Phương - Thành viên độc lập HĐQT, đọc tờ trình của HĐQT số: 129/TTr-HĐQT-TVĐ3 ngày 21/6/2023 về việc thông qua chủ trương đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 tại Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung theo Tờ trình với kết quả như sau:

- Số CP tán thành: 7.214.069 CP; tỷ lệ: 99,13% số CP tham dự Đại hội
- Số CP không tán thành: 63.104 CP; tỷ lệ: 0,87% số CP tham dự Đại hội
- Số CP có ý kiến khác: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội

Ý kiến thảo luận, góp ý:

- Đề nghị ghi rõ địa điểm xây dựng trụ sở Công ty là tại Thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty xem xét quy mô, tổng mức đầu tư xây dựng nhà điều hành Công ty tại Thành phố Thủ Đức để đảm bảo việc đầu tư hiệu quả và tối ưu;
- Xem xét bố trí tăng thêm diện tích văn phòng làm việc một cách hợp lý.

11. Thông qua Tờ trình các nội dung sửa đổi, bổ sung và dự thảo Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12):

Ông Trần Quốc Điền - Thành viên HĐQT, đọc tờ trình của HĐQT số: 130/TTr-HĐQT-TVĐ3 ngày 21/6/2023 về việc thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và dự thảo Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12).

Đại hội đã thảo luận và thống nhất các nội dung cụ thể như sau:

11.1 Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2: Người đại diện theo pháp luật

Điều khoản	Điều lệ sửa đổi, bổ sung (lần 12)
Khoản 4 Điều 2	a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Công ty đã bổ nhiệm được Tổng giám đốc: Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc. - Trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm được Tổng giám đốc mà chỉ có người thực hiện quyền Tổng giám đốc: Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và người thực hiện quyền Tổng giám đốc có chức danh cụ thể theo quy định của pháp luật. Trong đó,

Điều khoản	Điều lệ sửa đổi, bổ sung (lần 12)
	<p>quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị</i>: Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 26 Điều lệ này. + <i>Quyền Tổng giám đốc</i>: Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc và có các quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan, trừ quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật do Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nêu trên. <p>b. Người đại diện pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ, quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ này và khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Công ty đảm bảo luôn có ít nhất 01 (một) người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam.</p>

11.2 Sửa đổi, bổ sung chi tiết ngành, nghề kinh doanh tại khoản 1 Điều 3: Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Điều khoản	Điều lệ sửa đổi, bổ sung (lần 12)	Ghi chú
Điểm o khoản 1 Điều 3	<p>Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng; Các dịch vụ thí nghiệm tính chất cơ lý đất đá và vật liệu xây dựng;</p> <p>Giám định trong lĩnh vực xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp (<i>trừ giám định tư pháp</i>).</p>	<p>Tên ngành: hoạt động kiến trúc và tư vấn về kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7110)</p>
Điểm t khoản 1 Điều 3	<p>...Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình điện, công trình dân dụng, công nghiệp, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn và cơ sở hạ tầng (<i>trừ xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i>)...;</p>	<p>Tên ngành: xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4299)</p>

11.3 ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 giao Người đại diện theo pháp luật ký ban hành Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12) và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để hoàn tất nội dung điều chỉnh chi tiết một số ngành, nghề kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như đã nêu tại Tờ trình.

Đại hội đã biểu quyết thông qua dự thảo Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12) đính kèm theo Tờ trình với kết quả như sau:

- Số CP tán thành: 7.277.173 CP; tỷ lệ: 100% số CP tham dự Đại hội
- Số CP không tán thành: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội
- Số CP có ý kiến khác: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội

12. Thông qua Tờ trình nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của EVNPECC3 (lần ban hành: 05):

Ông Trần Quốc Điền - Thành viên HĐQT, đọc tờ trình của HĐQT số: 131/TTr-HĐQT-TVĐ3 ngày 21/6/2023 về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của EVNPECC3.

Đại hội đã thảo luận và thống nhất các nội dung cụ thể như sau:

- Áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (theo khoản 4 và khoản 5 Điều 2 mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).
- HĐQT căn cứ tình hình, điều kiện thực tế quyết định lựa chọn phương thức tổ chức họp ĐHĐCĐ phù hợp.

Đại hội đã biểu quyết thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của EVNPECC3 đính kèm theo Tờ trình và giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành với kết quả như sau:

- Số CP tán thành: 7.277.173 CP; tỷ lệ: 100% số CP tham dự Đại hội
- Số CP không tán thành: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội
- Số CP có ý kiến khác: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội

13. Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội:

13.1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 gồm 13 Điều, đã ghi lại đầy đủ và trung thực các diễn biến tại Đại hội và Thư ký Đại hội đã đọc lại trước Đại hội toàn văn biên bản này.

13.2. Thư ký Đại hội đã báo cáo toàn bộ dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với 9 Điều.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội với kết quả như sau:

- Số CP tán thành: 7.277.173 CP; tỷ lệ: 100% số CP tham dự Đại hội
- Số CP không tán thành: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội
- Số CP có ý kiến khác: 0 CP; tỷ lệ: 0% số CP tham dự Đại hội

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kết thúc vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 22/6/2023.

TM. ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Thư ký

Chủ tọa





Đỗ Phan Vĩnh Chương

Bùi Thị Hoàng Yên

Nguyễn Như Hoàng Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

TÀI LIỆU CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

1. Chương trình cuộc họp.
2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022.
3. Báo cáo Kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023.
4. Báo cáo tình hình tài chính 2022 và Kế hoạch tài chính năm 2023.
5. Báo cáo của Ban kiểm soát.
6. Tờ trình kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023.
7. Tờ trình thông qua Kết quả tài chính năm 2022 đã kiểm toán và Kế hoạch tài chính năm 2023.
8. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023.
9. Tờ trình Quyết toán tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2022, Kế hoạch tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2023.
10. Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn 2023-2025.
11. Tờ trình thông qua chủ trương đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Tờ trình thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và dự thảo Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12).
13. Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của EVNPECC3.

CÁC PHỤ LỤC

1. Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán.
2. Dự thảo Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12).
3. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi lần 05).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2023



CHƯƠNG TRÌNH
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

- I. Thời gian:** Từ 08h00 thứ Năm, ngày 22 tháng 6 năm 2023
- II. Địa điểm:** Hội trường Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3
(Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM)
- III. Chương trình Đại hội:**

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
08h00 - 08h30	- Đón tiếp khách mời và cổ đông tham dự Đại hội - Lập danh sách các cổ đông tham dự Đại hội	Ban Tổ chức Ban Đón tiếp CD
08h30 - 08h50	- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu - Thông qua danh sách Chủ tịch đoàn, Thư ký ĐH - Thông qua chương trình Đại hội - Thông qua Ban kiểm phiếu - Báo cáo tình hình cổ đông tham dự Đại hội - Thông qua Quy định thể lệ biểu quyết	Ban Tổ chức Ban Tổ chức Chủ tịch đoàn Chủ tịch đoàn Ban Đón tiếp CD Ban kiểm phiếu
08h50 - 09h30	01- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 02- Báo cáo Kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023 03- Báo cáo tình hình tài chính 2022 và Kế hoạch tài chính năm 2023 04- Báo cáo của Ban kiểm soát - Đại hội thảo luận, thông qua các báo cáo	CT. HĐQT Q. Tổng giám đốc Kế toán trưởng TB. Ban kiểm soát Chủ tịch đoàn
09h30 - 10h30	01- Tờ trình kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023 02- Tờ trình thông qua Kết quả tài chính năm 2022 đã kiểm toán và Kế hoạch tài chính năm 2023 - Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua tờ trình 01, 02 03- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023 04- Tờ trình Quyết toán tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2022, Kế hoạch tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2023	Ô. Phước Ô. Phước Chủ tịch đoàn Ô. Minh Ô. Minh

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
	- Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua tờ trình 03, 04 05- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn 2023-2025 06- Tờ trình thông qua chủ trương đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chủ tịch đoàn Ô. Phương Ô. Phương
	- Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua tờ trình 05, 06 07- Tờ trình thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và dự thảo Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12) 08- Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của EVNPECC3	Chủ tịch đoàn Ô. Điền Ô. Điền
	- Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua tờ trình 07, 08	Chủ tịch đoàn
10h30 - 10h45	- Nghỉ giải lao	ĐHĐCĐ
10h45 - 10h55	- Báo cáo kết quả biểu quyết	Ban kiểm phiếu
10h55 - 11h10	- Phát biểu của đại diện cổ đông lớn	Đại diện cổ đông lớn (EVN,...)
11h10 - 12h00	- Thư ký đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội - Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội	Thư ký Đại hội Chủ tịch đoàn
12h00	- Bế mạc Đại hội	Ban Tổ chức

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 trân trọng báo cáo các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022 với các nội dung như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại trụ sở Công ty số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. Thành phần tham dự Đại hội bao gồm các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát cùng 25 cổ đông và đại diện các cổ đông đại diện cho 7.211.124 cổ phần chiếm 87,13% tổng số cổ phần của Công ty (vốn điều lệ tại thời điểm ĐHĐCĐ là 82.760.800.000 đồng). Khách mời là đại diện Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Công ty Kiểm toán VACO. Cuộc họp của ĐHĐCĐ đã diễn ra theo đúng kế hoạch và ban hành Nghị quyết với các nội dung chủ yếu như sau:

Thông qua: Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022; Kết quả thực hiện kế hoạch tài chính năm 2021 và giao Kế hoạch tài chính năm 2022; Phê chuẩn số thù lao Công ty đã chi cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS trong năm 2021 và Kế hoạch chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS trong năm 2022; Phương án phân chia lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2022; Bổ sung, hiệu chỉnh Điều lệ Công ty sửa đổi lần 10; Phê chuẩn miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS và Phê chuẩn danh sách trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ thành viên 2022 - 2027.

2. Các hoạt động của HĐQT

2.1. Thông tin về thành viên HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trước ngày 24/6/2022				
1	Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch HĐQT	Ngày 27 tháng 4 năm 2012	Ngày 24 tháng 6 năm 2022
2	Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên HĐQT	Ngày 27 tháng 4 năm 2012	Ngày 24 tháng 6 năm 2022
3	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Thành viên HĐQT	Ngày 21 tháng 4 năm 2017	Ngày 24 tháng 6 năm 2022
4	Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên độc lập HĐQT	Ngày 27 tháng 3 năm 2020	Ngày 24 tháng 6 năm 2022
Từ ngày 24/6/2022 đến nay				
1	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Ngày 24 tháng 6 năm 2022	
2	Ông Lạc Thái Phước	Thành viên HĐQT	Ngày 24 tháng 6 năm 2022	
3	Ông Trần Quốc Điền	Thành viên HĐQT	Ngày 24 tháng 6 năm 2022	
4	Ông Trần Lê Minh	Thành viên HĐQT	Ngày 24 tháng 6 năm 2022	
5	Ông Võ Văn Phương	Thành viên độc lập HĐQT	Ngày 24 tháng 6 năm 2022	

2.2. Các cuộc họp HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Trước ngày 24/6/2022				
1	Ông Thái Tuấn Tài	05/05	100%	
2	Ông Nguyễn Phú Gia	05/05	100%	
3	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	05/05	100%	
4	Ông Nguyễn Ngọc Kế	05/05	100%	
Từ ngày 24/6/2022				
1	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	10/10	100%	

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
2	Ông Lạc Thái Phước	10/10	100%	
3	Ông Trần Quốc Điền	10/10	100%	
4	Ông Trần Lê Minh	10/10	100%	
5	Ông Võ Văn Phương	10/10	100%	

2.3. Các hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT

Trong năm 2022 các Thành viên độc lập HĐQT bao gồm:

- Ông Nguyễn Ngọc Kế - giai đoạn từ đầu năm đến ngày 24 tháng 6 năm 2022.
- Ông Võ Văn Phương - giai đoạn từ 24 tháng 6 năm 2022 đến cuối năm.

Các Thành viên độc lập HĐQT trong các giai đoạn nêu trên đã có những hoạt động chủ yếu như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ cũng như bất thường của HĐQT, trong các cuộc họp thành viên độc lập HĐQT đã có nhiều ý kiến đóng góp sát thực đối với việc hoạch định các chính sách của Công ty.
- Thành viên độc lập HĐQT cũng đã có các buổi làm việc với Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty, thể hiện đầy đủ các quyền hạn và trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
- Thành viên độc lập HĐQT cũng đã có nhiều ý kiến đóng góp và biểu quyết liên quan đến việc đề bạt, bổ nhiệm các nhân sự chủ chốt của Công ty, việc này đã góp phần quan trọng trong công tác hoàn thiện và ổn định bộ máy điều hành chủ chốt của Công ty.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban.

4. Các Nghị quyết của HĐQT

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
1	002/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý I)	06/01/2022	Điều 1. <ul style="list-style-type: none"> • Kết quả SXKD năm 2021: Thống nhất như báo cáo của Công ty, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi có báo cáo kiểm toán; • Kế hoạch SXKD năm 2022: Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông 	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			<p>thông qua, Ủy quyền cho Tổng giám đốc phê duyệt kế hoạch mua sắm công cụ dụng cụ cho năm 2022.</p> <p>Điều 2. Thông qua đơn giá tiền lương năm 2022.</p> <p>Điều 3. Công ty dự kiến tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 08 tháng 4 năm 2022.</p> <p>Điều 4. Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022 trên cơ sở các ý kiến góp ý của các Thành viên HĐQT.</p> <p>Điều 5.</p> <ul style="list-style-type: none"> • HĐQT giới thiệu đề cử để bổ nhiệm Ông Trần Quốc Điền - Phó Tổng giám đốc, là Người đại diện vốn của EVN tại EVNPECC3; • HĐQT giới thiệu đề cử để bổ nhiệm Ông Lạc Thái Phước - Trưởng phòng Thiết kế Trạm, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách công tác tư vấn lưới điện. 	
2	043/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	17/3/2022	<p>Điều 1. Thống nhất dời ngày dự kiến họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 từ ngày 08 tháng 4 năm 2022 đến ngày thích hợp. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn và định ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của Nhà nước.</p>	100%
3	065/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	25/4/2022	<p>Điều 1. Quyết toán quỹ tiền lương năm 2021.</p>	100%
4	066/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý II)	26/4/2022	<p>Điều 1. Dời ngày họp ĐHĐCĐ thường niên từ ngày 29/4/2022 đến tháng 6/2022.</p> <p>Điều 2. Hủy danh sách người sở hữu chứng khoán được lập vào ngày đăng ký cuối cùng, ngày 16 tháng 3 năm 2022.</p> <p>Điều 3. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng</p>	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			quản trị lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng và định ngày họp ĐHĐCĐ thường niên cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định.	
5	090/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	03/6/2022	Điều 1. Thông qua chương trình, các báo cáo, các tờ trình gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Điều 2. Thông qua các Quy chế quản lý nội bộ. Điều 3. Tái bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Long giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2022.	100%
6	110/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	24/6/2022	Điều 1. Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Tổng giám đốc, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 nhiệm kỳ 2022-2027. Điều 2. Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Điều 3. Giao ông Lạc Thái Phước - Phó Tổng giám đốc thực hiện quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 cho đến khi Hội đồng quản trị Công ty có quyết định kiện toàn chức danh Tổng giám đốc Công ty.	100%
7	125/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	27/6/2022	Điều 1. Giao cho ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.	100%
8	140/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT)	15/7/2022	Điều 1. Ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch triển khai kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2022. Điều 2. Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
	thường kỳ quý III)		<p>Báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty theo tờ trình số 04/TV3-BKS ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ban kiểm soát.</p> <p>Điều 3. Thống nhất ban hành “Quy chế quản lý, đầu tư vốn và Người đại diện phần vốn của PECC3 tại Công ty con, Công ty liên kết” và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký quyết định ban hành Quy chế này.</p> <p>Điều 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đề cử để bổ nhiệm ông Nguyễn Công Thắng - Trưởng phòng Thiết kế Đường dây vào chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3; • Bổ nhiệm ông Phan Bách Khoa - Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Nhiệt điện và năng lượng mới giữ chức danh Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và năng lượng mới kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022. • Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Quốc Hoan - Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp khảo sát và xây dựng điện giữ chức Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp khảo sát và xây dựng điện kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022. 	
9	156/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	04/8/2022	<p>Điều 1. Thống nhất chủ trương việc thực hiện thoái vốn tại Công ty CP Thủy điện miền Trung với các nội dung như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Phương thức thực hiện thoái vốn: Theo hợp đồng ủy quyền cho EVNSPC thực hiện việc chuyển nhượng vốn đầu tư tại CHP; b) Số lượng cổ phiếu thoái vốn: 53.379 cổ phiếu; c) Giá trị sổ sách đầu tư: 220.790.000 đồng; d) Giá thoái vốn: Công ty sẽ trình HĐQT xem xét trên cơ sở chứng thư thẩm định 	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			<p>giá của đơn vị tư vấn.</p> <p>Điều 2. Thống nhất việc ủy quyền cho quyền Tổng giám đốc thực hiện việc vay nợ, các khoản thế chấp đảm bảo, bảo lãnh với giá trị nhỏ hơn 35% giá trị tổng tài sản Công ty được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất. Thời hạn ủy quyền đến năm 2027 hoặc có văn bản khác thay thế.</p>	
10	166/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	23/8/2022	<p>Điều 1. Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.</p> <p>Điều 2. Hội đồng quản trị giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.</p>	100%
11	178/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	29/8/2022	Điều 1. Bổ nhiệm ông Nguyễn Công Thắng - Trưởng phòng Thiết kế Đường dây, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2022.	100%
12	195/NQ-HĐQT- PECC3 (Họp HĐQT bất thường)	19/9/2022	Điều 1. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu.	100%
13	207/NQ-HĐQT- TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý IV)	06/10/2022	<p>Điều 1. Ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện SXKD 3 tháng cuối năm 2022 với các chỉ tiêu như sau:</p> <p>a) Kết quả thực hiện kế hoạch 9 tháng đầu năm 2022:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thực hiện: 166,29 tỷ đồng đạt 76,59% kế hoạch 9 tháng đầu năm 2022, đạt 46,57% kế hoạch năm 2022; - Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm 	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			tài sản 9 tháng đầu năm 2022; - Mua sắm tài sản: kế hoạch năm 2022: 9 tỷ đồng, thực hiện: 542 triệu đồng, đạt 6,02% kế hoạch năm 2022; - Đầu tư góp vốn 9 tháng đầu năm 2022: không có; - Lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2022: ước đạt 13 tỷ/26 tỷ, đạt 50% kế hoạch năm. b) Kế hoạch các tháng cuối năm 2022: - Doanh thu quý IV: 141,66 tỷ đồng; - Lợi nhuận quý IV: 9 tỷ đồng; - Đầu tư góp vốn: không đầu tư góp vốn.	
14	224/NQ-HĐQT-TV3 (Họp HĐQT bất thường)	03/11/2022	Điều 1. Tăng Vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 từ 82.760.800.000 đồng lên thành 95.173.030.000 đồng. Điều 2. Sửa đổi số vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty tương ứng với mức vốn điều lệ tăng lên sau khi phát hành 1.241.223 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 như sau: a. Trước thay đổi: Vốn điều lệ của Công ty là 82.760.800.000 đồng; b. Sau thay đổi: Vốn điều lệ của Công ty là 95.173.030.000 đồng. Điều 3. Thay đổi vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định của pháp luật hiện hành.	100%
15	240/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường)	29/11/2022	Điều 1. Điều chỉnh tên gọi phòng Phân tích hệ thống điện thành phòng Nghiên cứu và phát triển. Điều 2. Thống nhất chủ trương thành lập phòng Tư vấn dự án. Giao Tổng giám đốc	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			ban hành quyết định thành lập Phòng sau khi đã xác định rõ sự cần thiết, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức điều hành của Phòng.	

5. Thù lao của các Thành viên HĐQT

Trong năm 2022 tổng mức lương và thù lao của các Thành viên HĐQT như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số người	Mức lương tháng/người	Mức thù lao tháng/người	Tổng thu nhập năm
Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/06/2022					
1	Chủ tịch HĐQT	01	31,86	0	191,17
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	01	30,68	0	184,10
3	Thành viên HĐQT không chuyên trách	02	0	5,45	65,40
Từ ngày 24/06/2022 đến ngày 31/12/2022					
1	Chủ tịch HĐQT	01	31,86	0	191,17
2	Thành viên HĐQT kiêm Quyền Tổng giám đốc	01	27,14	0	162,86
3	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	02	27,14	0	325,72
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	01	0	5,45	32,68
	Tổng cộng				1.153,10

6. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành

- Ban điều hành Công ty đã bám sát các nội dung của Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 trong công tác chỉ đạo, điều hành Công ty.
- Mỗi hai tuần một lần Tổng giám đốc chủ trì cuộc họp giao ban sản xuất với thành phần gồm đại diện HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các Trưởng đơn vị, Giám đốc Trung tâm và 2 Chi nhánh, đại diện Ban chấp hành công đoàn. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đều quan tâm và có các

hoạt động kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các dự án lớn hoặc có tiến độ thực hiện khẩn trương.

- c) Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp rà soát tiến độ, kế hoạch nghiệm thu, thanh toán với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án của khách hàng. Mặc dù không đạt kế hoạch doanh thu nhưng Ban điều hành đã cố gắng hoàn thành phần lớn các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ thông qua.

7. Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2023

a) Kế hoạch công tác

- HĐQT tiếp tục duy trì các phiên họp thường kỳ vào đầu các quý trong năm. Ngoài ra trong trường hợp cần thiết HĐQT sẽ triệu tập các phiên họp bất thường, kịp thời chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2023, với các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội này.

b) Biện pháp thực hiện

- Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.

- Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho Công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Nguyễn Như Hoàng Tuấn

Số: 2029/BC-TVĐ3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (EVNPECC3) trân trọng báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các nội dung chính như sau:

I. Phần thứ nhất

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

a) Doanh thu và lợi nhuận

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ
Doanh thu	350,00 tỷ đồng	259,53 tỷ đồng	74%
Lợi nhuận trước thuế	26,00 tỷ đồng	23,60 tỷ đồng	91%
Lợi nhuận sau thuế	20,80 tỷ đồng	19,89 tỷ đồng	96%

b) Giá trị hợp đồng ký mới

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ
Giá trị hợp đồng ký mới	386,00 tỷ đồng	169,20 tỷ đồng	44%
Trong đó các hợp đồng giữa Công ty với người có liên quan là EVN/các đơn vị thành viên của EVN		80 hợp đồng với tổng giá trị 76,98 tỷ đồng (chi tiết xem phụ lục 1)	

c) Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ
Mua sắm tài sản cố định	9,00 tỷ đồng	0,98 tỷ đồng	11%
Đầu tư xây dựng		Không	

Ngay từ đầu năm, Công ty đã lường trước những khó khăn do còn tồn tại ảnh hưởng của Covid-19 để lại từ những năm trước, toàn thể người lao động Công ty đã nỗ lực làm việc với tinh thần quyết tâm cao nhất để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, trong năm 2022 có nhiều sự biến động về chủ trương, chính sách, thủ tục pháp lý của nhà nước làm ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Đối với chỉ tiêu doanh thu và ký hợp đồng mới:

+ Sản lượng chính của Công ty từ trước tới nay tập trung chủ yếu từ công tác tư vấn về các dự án lưới điện và nguồn điện. Trong những năm gần đây các dự án lưới điện và nguồn điện đều gặp nhiều khó khăn về tiến độ đầu tư dẫn đến doanh thu của Công ty bị sụt giảm nghiêm trọng vì các lý do khách quan như sau: Quy hoạch điện 8 chưa được duyệt cho nên nhiều dự án về lưới điện và nguồn điện, đặc biệt là các dự án năng lượng tái tạo phải tạm hoãn triển khai do chưa đủ cơ sở pháp lý. Cơ chế, chính sách phát triển năng lượng tái tạo chưa được triển khai đồng bộ để khai thông, thu hút các Nhà đầu tư sau khi các chính sách hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo hết hiệu lực, quy hoạch không gian biển vẫn chưa có, giá mua bán điện, cơ chế đấu thầu Nhà đầu tư, giá điện vẫn chưa được ban hành làm chậm tiến trình đầu tư các dự án năng lượng tái tạo.

+ Thủ tục đầu tư: Hiện nay các dự án phải triển khai thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư. Công tác này thường kéo dài, đặc biệt đối với các dự án lưới điện, đường dây đi qua nhiều tỉnh thành. Việc phát sinh thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ các công tác chuẩn bị đầu tư (phê duyệt BCNCKT, BCNCKT, TKKT) làm ảnh hưởng (sụt giảm) doanh thu tư vấn.

+ Khó khăn từ thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng phức tạp ảnh hưởng đến việc hoàn thành dự án, dẫn đến việc quyết toán dự án kéo dài.

- **Về đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ:** Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ phần lớn phục vụ cho công tác thực hiện dự án như các phần mềm hỗ trợ trong công tác thiết kế, các thiết bị khảo sát điện gió ngoài khơi. Trong năm 2022, các dự án này chưa được triển khai nên kế hoạch mua sắm sẽ điều chỉnh chuyển sang năm 2023, nhằm tiết kiệm chi phí.

- **Về lợi nhuận:** Do nhiều yếu tố khó khăn như đã đánh giá trên đây làm doanh thu thực hiện năm 2022 đạt thấp, nhưng do Công ty đẩy mạnh công tác quản lý, thay đổi phương thức quản lý đã giúp Công ty sử dụng chi phí hiệu quả, giúp lợi nhuận đạt 91% kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên thông qua.

2. Tình hình thực hiện dự án năm 2022

Công tác Khảo sát, Tư vấn thiết kế vẫn là mảng kinh doanh chính của Công ty và được Công ty tập trung phát triển. Trong năm 2022, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, các đơn vị trong Công ty đã quyết tâm nỗ lực thực hiện các dự án và cũng đã đạt được những kết quả nhất định, cụ thể:

2.1. Nhiệt điện

- Các hạng mục của dự án đã hoàn thành trong năm:
 - + BCNCTKT - NMNĐ TBKHH Miền Trung I&II (1.500MW);
 - + BCNCTKT- NMNĐ khí LNG Sơn Mỹ 2 (3x750MW).
- Các dự án Công ty đã lập xong hồ sơ, tuy nhiên do vướng thủ tục pháp lý (TSDĐ, CTĐT....) nên chưa được phê duyệt như:
 - + NMNĐ khí LNG ECV-Bình Thuận (1.200MW);
 - + NMNĐ khí LNG Sơn Mỹ 2 (3x750MW);
 - + NMNĐ Hiệp Phước 1 (1.200MW);
 - + Tư vấn chính đầu thầu và hỗ trợ thương thảo Hợp đồng gói thầu EPC - DA NMNĐ Ô Môn IV;
 - + NMNĐ Ô Môn II (1.050MW);
 - + Tư vấn đầu thầu EPC cho Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I (1.200MW);
 - + TKKT- Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I (1.200MW).
- Bên cạnh quá trình sản xuất, Công ty đã tích cực mở rộng dịch vụ tìm kiếm công việc trong các nhà máy nhiệt điện đang hoạt động và các dịch vụ tư vấn mới như: Nghiên cứu tiềm năng sản xuất Hydrogen từ các nguồn năng lượng tái tạo và nhiệt điện; Thiết kế kỹ thuật và BVTC cho hệ thống nước thô và hồ điều hòa cho Trung tâm nhiệt điện Duyên Hải.
- Chủ động, xúc tiến tìm kiếm và liên hệ với Chủ đầu tư các DA điện tại Việt Nam để bày tỏ sự quan tâm, gửi bản chào và đàm phán các hợp đồng đối với các DA nhiệt điện.

2.2. Thủy điện

- Các hạng mục của dự án đã hoàn thành:
 - + Quyết toán và thanh lý hợp đồng điện như: Xekaman 3 tại Lào;
 - + Công tác Lập PA ứng phó tình huống khẩn cấp các TĐ Sông Ba Hạ; Sê san 4 và Sê San 4A.
- Các dự án đang triển khai:
 - + Lập PA ứng phó tình huống khẩn cấp các TĐ Buôn Kuôp - Buôn Tua Shra - Srepok 3;
 - + Quan trắc chuyển vị chu kỳ năm 2022 thủy điện Trị An, Đa Nhim, Buôn Kuôp, Srepok 3, Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, Đồng Nai 3-4-5, Ankhekanat;
 - + Thực hiện đầu thầu và trúng thầu: Xử lý đường ống áp lực và đường A3 Thủy điện Ankhekanat; Xử lý khe van đập tràn Đơn Dương; Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Ống piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi”; Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật nâng cấp trạm GIS Thủy điện Hàm Thuận; Quan trắc chuyển vị đứng - ngang Thủy điện Trị An; Quan trắc chuyển vị Đứng - Ngang Thủy điện Sông Ba Hạ.

- Xúc tiến công tác đấu thầu, tìm kiếm hợp đồng các công việc thủy điện như: cắm mốc ranh lòng hồ, quan trắc chuyển dịch công trình, lập phương án phòng chống lũ lụt hạ du, kiểm tra và chứng nhận an toàn các đập thủy điện,...

2.3. Lưới điện

- Đóng điện đưa vào vận hành năm 2022 các công trình: TBA 220kV Châu Thành (Hậu Giang) và đấu nối; Trạm 110kV KCN An Nghiệp và đường dây đấu nối, tỉnh Sóc Trăng; Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Cam Ranh; TBA 220kV Cam Ranh; TBA 500kV Long Thành; ĐD 500kV Long Thành - rẽ Phú Mỹ - Sông Mây; NCS TBA 500kV Sông Mây (23/12/2022); Đấu nối 220kV số 1 TBA 500kV Đức Hòa.

- Dự án được phê duyệt:

+ TKKT-BVTC: NCS TBA 220kV Đông Hà từ 2x125 MVA lên (125+250), lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Châu Đức, TBA 500kV Vĩnh Yên và đấu nối; lắp MBA thứ 2 TBA 220 kV Bá Thiện; Nâng công suất TBA 500kV Sông Mây;

+ BCNCKT: TBA 500kV Thanh Hóa, TBA 220kV Hàm Thuận Nam, TBA 220kV Hòa Bình và đấu nối, TBA 220kV Bình Mỹ và đấu nối, TBA 220kV Long Sơn và đấu nối, ĐD 220kV mạch kép đấu nối TBA 220kV Bạc Liêu chuyển tiếp trên ĐD 220kV Cà Mau - Sóc Trăng, TBA 500kV Krông Buk.

- Dự án đã hoàn thành, chờ phê duyệt:

+ BCNCKT: TBA 500kV Tây Ninh 1 và đấu nối, TBA 500kV Long An, ĐD 220kV Thái Bình - Thanh Nghị, TBA 220kV Đất Đỏ, TBA 220kV Cái Bè và đấu nối, TBA 220kV Hồng Ngự, ĐD 220kV Hồng Ngự - Châu Đốc, TBA 220kV Phước Đông, ĐD 220kV Phước Đông - Tây Ninh 1, ĐD 220kV Tân Sơn Nhất - Thuận An;

+ TKKT: TBA 220kV Vũ Thư và đấu nối, TBA 220kV Lấp Vò và ĐD đấu nối Thốt Nốt - Lấp Vò;

+ Các DA đã xong giai đoạn TKKT và đang thi công: ĐD 500kV Sông Hậu - Đức Hòa, ĐD 500kV Đức Hòa - Chơn Thành, TBA 220kV Năm Căn và ĐD 220kV Năm Căn - Cà Mau 2, TBA 220kV Định Quán và đấu nối, ĐD 500kV Ô Môn - Thốt Nốt, Mạch 2 đường dây 220kV Bảo Lộc - Sông Mây, ĐD 220kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình, TBA 220kV Long Khánh và TBA 220kV KCN Nhơn Trạch, Đường dây Pleiku 2 - Krông Buk M2.

2.4. Năng lượng tái tạo

- Lập BSQH cụm nhà máy ĐMT & ĐG Sao Mai 1&2 tại An Giang.

- Lập hồ sơ phương án khảo sát để xin cấp phép khảo sát cho dự án Nhà máy ĐG Ngoài Khơi Xuyên Mộc.

- Khảo sát địa hình hạng mục đường thi công cho dự án Nhà máy ĐG Kon Plong - Kontum.

3. Công tác quản lý điều hành

3.1. Tổ chức quản lý theo mục tiêu

- Tiếp tục triển khai đồng bộ hệ thống KPIs tới các cấp.
- Tiếp tục áp dụng nêu gương điển hình xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2. Tổ chức bộ máy quản lý điều hành và phát triển VHDN

- Năm 2022 là năm kết thúc nhiệm kỳ HĐQT, đồng thời một số lãnh đạo Công ty đến tuổi nghỉ hưu. Công ty đã thực hiện các trình tự, thủ tục và kiện toàn các vị trí trong bộ máy quản lý: Phó Tổng giám đốc phụ trách lưới điện, Quyền Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty; bổ nhiệm các Trưởng đơn vị: Kế hoạch kinh doanh, Thiết kế Trạm và Trung tâm Nhiệt điện & năng lượng mới cùng với 04 phó Trưởng đơn vị.

- Thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý và quy hoạch Trưởng đơn vị, dự nguồn cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế thừa.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện VHDN năm 2022, trong đó có kế hoạch thực hiện Văn hóa chất lượng để nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ tốt hơn yêu cầu của khách hàng. Đã tổ chức truyền thông, lấy ý kiến người lao động về văn hóa chất lượng. Đã xây dựng bộ Tiêu chí văn hóa chất lượng và ban hành để thực hiện trong nội bộ. Truyền thông Kế hoạch tổng thể Văn hóa EVN giai đoạn 2022-2025, xây dựng clip để phổ biến đến toàn thể NLĐ. Phổ biến tài liệu Văn hóa EVN thông qua clip giới thiệu.

3.3. Công tác nâng cao năng lực nguồn nhân lực

- Công ty tập trung thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2022, mục tiêu là: nâng cao năng lực cho đội ngũ Chủ nhiệm dự án; nâng cao năng lực tư vấn của Công ty để phục vụ đa dạng khách hàng.

- Thống kê số lượng các chương trình đào tạo năm 2022:

• Đào tạo bên ngoài:

- + Đào tạo cán bộ quản lý cấp 2 (3 người), cấp 3 (3 người);
- + Đào tạo Trung cấp LLCT- Hành chính: 10 cán bộ;
- + Đào tạo chuyên gia các ngành: nhiệt điện, thủy điện, lưới điện: 15 lượt người tham gia;
- + Đào tạo vẽ thiết kế BIM trên Revit: 04 người;
- + Đào tạo quản lý cấp trung (MMM): 03 người;
- + Đào tạo giám đốc nhân sự, giám đốc marketing, giám đốc kinh doanh: 03 người;
- + Các khóa đào tạo khác phục vụ quản trị doanh nghiệp và quản trị mạng: 30 lượt người tham gia,...

• **Đào tạo nội bộ:** Thực hiện 31 lớp/chương trình với 318 lượt người được

đào tạo, điển hình là 1 số khóa học sau:

- + Đào tạo chuyên đề tổng quan và chuyên môn sâu trong thiết kế dự án năng lượng tái tạo;

- + Hướng dẫn thiết kế mẫu phân nhị thứ TBA, truyền tải điện một chiều cao áp, Nghiên cứu mô hình cột trong phần mềm EMTP tính toán chống sét ĐZ 220kV, Tìm hiểu, ứng dụng thiết kế kết cấu cột thép ống cho khoảng cột lớn;

- + Đào tạo chuyên sâu về phần mềm SteamPro, WindPro;

- + Đào tạo và áp dụng BIM, Civil 3D;

- + Thiết kế công trình công trình thủy điện, thủy lợi;

- + Hướng dẫn luận chứng sự cần thiết đầu tư thông qua phân tích tính toán hệ thống điện;

- + Hướng dẫn áp dụng Mẫu hợp đồng Thiết kế - thi công và Nhà máy của FIDIC (Quyền vàng).

- **Đào tạo E-learning:** Triển khai các chương trình E-learning: Đào tạo về an toàn thông tin; chuyển đổi số của EVN; đào tạo kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng làm việc hiệu quả; đào tạo trực liên thông văn bản từ EVNPECC3 tới EVN và các đơn vị trong ngành; Độ võng dây dẫn và tính toán xử lý độ võng đường dây; Một số nội dung chính trong công tác thẩm tra thẩm định dự án đầu tư xây dựng; Lập hồ sơ công việc; Phổ biến Quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính trong EVN. Tổng số lượt người tham gia học là khoảng 2.822 lượt người.

- Về nâng cao năng lực tư vấn của Công ty: đã bổ sung các năng lực sau:

- + Chứng chỉ hành nghề thiết kế, giám sát và thi công đối với hạng mục công trình PCCC cho 04 cá nhân (trước đây chỉ có 02 CCHN cá nhân về thiết kế PCCC);

- + Năng lực thiết kế, giám sát thi công công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn của Công ty;

- + Năng lực thi công và lắp đặt thiết bị công trình điện 110kV hạng 2 của Công ty;

- + Năng lực quy hoạch dự án hạng 2 của Công ty;

- + Năng lực hành nghề tổ chức: thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình dân dụng, công trình giao thông.

- Những thành quả đạt được:

- + Cán bộ quản lý được quy hoạch tham gia khóa đào tạo theo chương trình chuẩn của EVN, chất lượng cao, phù hợp với cán bộ diện quy hoạch;

- + Tiết kiệm chi phí: Khi triển khai chương trình đào tạo, đã khai thác các chương trình đào tạo của EVN, đào tạo On Job Training (OJT), đặc biệt là các khóa học trên E-learning nên đã giúp tiết giảm chi phí. Mặt khác, các khóa học bổ sung chuyên môn dành cho kỹ sư thiết kế, nhân sự chủ trì - chủ nhiệm thiết kế

vẫn được tổ chức;

+ Xây dựng 02 khóa đào tạo E-learning, đóng góp vào kho tài liệu học của EVN.

3.4. Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến

- Trang bị các phần mềm cho các đơn vị theo Kế hoạch trang bị bản quyền phần mềm trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Khuyến khích các cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn. Trong năm đã triển khai năm (05) đề tài nghiên cứu khoa học, theo đó, ngoài đề tài “Nghiên cứu tính toán lan truyền tiếng ồn và độ nhấp nháy từ các trụ turbine gió và mô phỏng tác động đến các khu vực xung quanh”, 04 đề tài còn lại tập trung nghiên cứu triển khai thiết kế BIM như: CDE trong giai đoạn thi công; Phân tích mô hình kết cấu nhà điều khiển của trạm biến áp 220kV trong phần mềm Revit; BIM 5D (3D+dự toán) ứng dụng cụ thể cho dự án TBA 220kV Chân Mây và ĐN; Ứng dụng Dynamo vẽ thiết kế tự động dây dẫn, dây chống sét, bố trí vật tư phụ kiện đường dây trên phần mềm Autodesk Revit.

- Đối với công tác thiết kế, với mục tiêu nghiên cứu và triển khai thực hiện tiến tới thiết kế BIM hoàn toàn, Công ty đã giao các đơn vị thiết kế thực hiện thiết kế BIM cho các dự án cụ thể: TBA 220kV Lạng Giang, TBA 110kV Lego, TBA 220kV Đồng Mô, Trạm 110kV Cầu Tràm (Phước Lý), Trạm 220kV Lấp Vò và ĐD Thốt Nốt - Lấp Vò, Trạm 110kV Du Long, Nhà máy điện gió số 18 - Hạng mục Khu nhà quản lý vận hành, 220kV Phú Quốc, Nhà máy thủy điện Sông Giang 1, Ứng dụng BIM - 5D thiết kế cho hạng mục nhà bơm nước làm mát nhà máy nhiệt điện.

- Công ty đang từng bước triển khai ERP - Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, trong đó phân hệ đầu tiên là PMS (Quản lý dự án) và đã đưa vào sử dụng. Các phân hệ Tài chính kế toán, Quản lý nhân sự và Quản lý quan hệ khách hàng (CRM) đang được tiếp tục triển khai thực hiện.

- Sáng kiến cải tiến: năm 2022, Công ty đã công nhận 73 sáng kiến/tổng số 78 đăng ký của đơn vị, cá nhân trong Công ty. Bên cạnh những sáng kiến mới, thiết thực, một số sáng kiến khi áp dụng thực tiễn chưa mang lại hiệu quả trong sản xuất và vận hành của Công ty. Trong Quy chế quản lý hoạt động khoa học & công nghệ ban hành 30/11/2022 đã nêu hoạt động NCKH & SKCT phải phù hợp với đổi mới sáng tạo, Công ty sẽ định hướng và xem xét các đăng ký hàng quý để thưởng các sáng kiến thật sự thiết thực, mang lại lợi ích cho Công ty.

3.5. Công tác truyền thông, tiếp thị

- Công tác tiếp thị: Thực hiện theo đúng kế hoạch tiếp thị hiệu chỉnh được duyệt.

- Công tác truyền thông: đã thực hiện truyền thông đầy đủ trên các kênh và tạo ra kết quả như:

+ 27 bài viết website;

+ Đăng 13 bài trên LinkedIn và 32 bài trên Facebook, đạt trung bình tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái là 176,32%.

- Công tác tiếp cận khách hàng tiềm năng: thông qua các hội thảo, nhất là các hội thảo do EVNPECC3 làm diễn giả, thông qua các cơ quan ban ngành như Đại sứ quán/Lãnh sự quán, Sở công thương, UBND các tỉnh,...

3.6. Cải tiến hệ thống quy chế, quy trình, quy định trong công tác quản lý

- Công tác cải cách thủ tục hành chính của Công ty diễn ra phù hợp với xu thế chung của ngành, như: áp dụng D-Office, chữ ký số; gửi các số liệu, các báo cáo cho các bên liên quan bằng file điện tử; xử lý công việc qua email và các công cụ hỗ trợ của hệ thống mạng xã hội hiện đại.

- Hệ thống Quy chế quản lý nội bộ: Công ty đã triển khai rà soát tất cả quy chế, quy định hiện hữu đang áp dụng và vận hành tại EVNPECC3 trong các lĩnh vực bao gồm cả quản lý và sản xuất với kết quả như sau:

+ Đã hoàn thành: 30/35 QCQLNB;

+ Đang thực hiện: 05 QCQLNB, trong đó các quy chế đã hoàn thành dự thảo và gửi góp ý trong nội bộ Công ty và đang hoàn thiện để phát hành.

- Hiện tại Công ty đang duy trì và áp dụng 02 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, bao gồm tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 27001:2013.

3.7. Công tác chuyển đổi số

Từ đầu năm 2022 đến nay, EVNPECC3 đã:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch Chuyển đổi số và Cải cách hành chính, văn phòng số và tài liệu lưu trữ.

- Tập trung vào truyền thông và đào tạo nhân viên về Chuyển đổi số.

- Từng bước triển khai ERP - Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp; trong đó giai đoạn 1: triển khai phân hệ Quản lý dự án (ERP - PMS) và đã đưa vào sử dụng tháng 07/2022. Các phân hệ Tài chính kế toán, Quản lý nhân sự và Quản lý quan hệ khách hàng (CRM) đang được tiếp tục triển khai tích hợp vào ERP.

- Với công tác Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất, Công ty tập trung vào BIM như triển khai thiết kế 3D cho đường dây truyền tải điện; Triển khai thiết kế BIM cho Trạm biến áp; Khảo sát các công trình đường dây bằng phương pháp truyền thống kết hợp UAV...

Một số tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chuyển đổi số:

+ Công ty đã gặp phải một số khó khăn, vướng mắc trong việc thay đổi quy

trình, cân nhắc các ràng buộc pháp lý.

+ Dự án số hoá quy trình nghiệp vụ bị chậm tiến độ do một số nguyên nhân khách quan như công nghệ mới, phức tạp về tích hợp hệ thống, khó khăn trong xác định đánh giá hiệu quả đầu tư.

+ Công ty không thuê đơn vị tư vấn chuyên nghiệp về Chuyển đổi số mà tự nghiên cứu, học hỏi và thực hiện nên ở một số lĩnh vực triển khai ban đầu còn hạn chế và chưa tổng thể.

+ Nguồn lực của Công ty còn hạn chế trong các lĩnh vực kiến trúc nghiệp vụ, kiến trúc dữ liệu và kiến trúc tổng thể. Do đó, quá trình triển khai chương trình Chuyển đổi số gặp nhiều vướng mắc, vì vậy Công ty thực hiện triển khai từng lĩnh vực nhỏ, đảm bảo khả năng, nguồn lực con người cũng như chi phí đầu tư.

3.8. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ

- Năm 2022 với rất nhiều khó khăn, việc thu xếp tài chính để không làm gián đoạn các hoạt động sản xuất kinh doanh là một thách thức lớn đối với Công ty. Ban Lãnh đạo cùng với các đơn vị tham mưu đã tìm mọi giải pháp để tiết giảm chi phí và cân đối dòng tiền mặc dù có thời điểm Công ty phải đi vay để trả lương. Công ty đã xây dựng kế hoạch phân bổ tiền lương hợp lý để đảm bảo quỹ lương, đảm bảo việc làm và thu nhập cho NLĐ, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, cân đối nguồn thu chi để đảm bảo trả lương đúng hạn cho NLĐ đúng kỳ hạn 2 lần/tháng. Đồng thời vẫn đảm bảo thực hiện đóng BHXH, BHYT và BHTN đúng hạn; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ và tổ chức thống kê, theo dõi, phân loại sức khỏe và đề xuất chế độ chính sách cho NLĐ có sức khỏe kém cũng như thăm khám, tư vấn, cấp phát thuốc men cho NLĐ trong quá trình làm việc đối với các bệnh thông thường, Covid-19,...

- Ngoài ra, vẫn đảm bảo thực hiện các chính sách khác liên quan tới người lao động: chính sách bảo hiểm; bảo hiểm tai nạn 24h cho NLĐ; Hội thao truyền thống năm 2022; thăm hỏi NLĐ ốm đau, tang chế; đánh giá và đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh; duy trì nhà ăn tại Công ty đảm bảo vệ sinh, an toàn và tiện lợi cho NLĐ; khen thưởng cho con của NLĐ đạt thành tích xuất sắc trong học tập; khử khuẩn phòng ngừa dịch Covid-19 và sốt xuất huyết...

- Công tác an toàn trong lao động sản xuất: Phối hợp với cơ quan PCCC tổ chức kiểm tra điều kiện an toàn phòng cháy, tập huấn cho NLĐ nâng cao nhận thức phòng chống cháy nổ và kỹ năng dập cháy.

- Các hoạt động về nguồn, sinh hoạt nữ công, nghỉ mát:

+ Tổ chức 02 chuyến về nguồn: Thăm đền thờ Gạc Ma và tưởng niệm 64 liệt sĩ hy sinh tại đảo Gạc Ma; Thăm và tổ chức Lễ kết nạp đảng viên mới tại Điện Biên Phủ.

+ Lãnh đạo Công ty đã tạo điều kiện cho Ban Nữ công tổ chức thực hiện:

đăng ký tham gia phong trào “Phụ nữ hai giỏi”, “Phụ nữ sáng tạo” đối với Công đoàn Điện lực Việt Nam; tổ chức cho chị em hoạt động tham quan tại Phú Quốc nhân ngày 08/3; họp mặt nhân ngày truyền thống Phụ nữ 20/10. Các hoạt động này không chỉ nhằm tôn vinh sự đóng góp của NLD nữ trong Công ty mà còn khuyến khích chị em mạnh dạn tham gia các hoạt động của Công ty vì sự tiến bộ của Phụ nữ.

+ Đặc biệt năm 2022 Công ty duy trì tổ chức chương trình nghỉ mát cho toàn thể NLD. Đây là sự quyết tâm và nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo để mang lại phúc lợi tốt nhất cho NLD trong một năm khó khăn vừa qua.

- Về thực hiện các chính sách xã hội: Bên cạnh các hoạt động thường xuyên do Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức, năm 2022 Công ty đã nhận nuôi dưỡng, bảo trợ 03 trẻ mồ côi sau đại dịch Covid-19 cho đến khi các em đủ 18 tuổi, đây là một trong những hoạt động có ý nghĩa to lớn, đã tiếp thêm động lực cho các em tiếp tục đến trường.

II. Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

1.1. Mục tiêu

- Doanh thu tăng trưởng trên 10%, lợi nhuận trước thuế tăng trên 8% so với năm 2022.
- Liên tục cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng trên nền tảng Chuyển đổi số, Quản trị rủi ro và An toàn thông tin.
- Xây dựng hệ thống các chiến lược bộ phận triển khai thực hiện chiến lược Công ty.

1.2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

a) Kế hoạch doanh thu: 285 tỷ đồng.

b) Kế hoạch giá trị ký hợp đồng: 300 tỷ đồng.

c) Kế hoạch mua sắm tài sản cố định: 7 tỷ đồng.

d) Kế hoạch đầu tư xây dựng: 15 tỷ đồng

- Thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Lợi nhuận

- Với doanh thu đạt 285 tỷ đồng thì lợi nhuận đạt 26 tỷ đồng.

2. Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện

2.1. Doanh thu đạt 285 tỷ, lợi nhuận đạt 26 tỷ

- Hoàn thiện BCNCKT và TKKT các dự án đã và đang trình thẩm định để sớm được phê duyệt;
- Đẩy mạnh công tác dự thầu, ký các hợp đồng để triển khai TKKT+ BVTC các dự án được phê duyệt BCNCKT trong năm 2022;
- Tìm kiếm và tham gia công tác giám sát xây dựng các dự án lưới điện, nguồn điện và đặc biệt công tác giám sát thi công Thủy điện tích năng Bắc Ái;
- Tập trung nhân lực thực hiện và quản lý các gói thầu EPC;
- Rà soát điều chỉnh kế hoạch chi phí các đơn vị phù hợp với doanh thu năm có thể đạt được;
- Quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí các đơn vị trên cơ sở sử dụng chi phí hiệu quả;
- Phối hợp các đơn vị trong việc đôn đốc thu tiền khách hàng;
- Xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực chủ chốt, tập trung vào năng lực các Chủ nhiệm dự án;
- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định phục vụ việc quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.

2.2. Kế hoạch giá trị ký hợp đồng năm 2023

- Cần đẩy nhanh tiến độ các dự án đã có chủ trương đầu tư sớm phê duyệt BCNCKT, chuyển sang giai đoạn TKKT, TKBVTC;
- Tập trung nhân lực thực hiện tìm kiếm các hợp đồng EPC;
- Nghiên cứu và phát triển thêm những sản phẩm mới Điện gió ngoài khơi, BESS, Hydrogen, để phục vụ khách hàng ngày càng đa dạng hơn và tăng thêm nguồn thu cho Công ty;
- Triển khai tham gia công tác nghiên cứu khoa học có kinh phí của các khách hàng như EVN, PVN...
- Phòng Kế hoạch kinh doanh phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong công tác lập và chào giá cho khách hàng, đặc biệt khách hàng tư nhân để đảm bảo sự đồng nhất và giá cạnh tranh, tăng cơ hội ký kết hợp đồng.

2.3. Đầu tư xây dựng

- Thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Mua sắm tài sản cố định

- Kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2023 là 7 tỷ đồng.

2.5. Quản lý khách hàng hiệu quả, gia tăng sự hiện diện của thương hiệu EVNPECC3

- Tiếp tục chăm sóc khách hàng và tìm hiểu khách hàng đánh giá các sản phẩm tốt nhất của EVNPECC3;
- Cần tăng cường các thông tin liên quan đến các dự án mà EVNPECC3 tham gia trên các diễn đàn của EVNPECC3, VHDN, Fanpage Facebook, Zalo, LinkedIn,... Cần sự hỗ trợ cung cấp thông tin của các đơn vị liên quan để cập nhật tin tức được thường xuyên hơn. Ngoài ra tăng cường các hoạt động cho phép người lao động Công ty tương tác trên nền tảng fanpage và group facebook của Công ty.

2.6. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ

- Rà soát và lên kế hoạch để tiếp tục hoàn thiện Hệ thống QCQLNB để đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong SXKD và quy định pháp luật;
- Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
- Chuẩn bị cho công tác đánh giá tái chứng nhận Hệ thống an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27000:2013 và nâng cấp lên phiên bản ISO 27000:2022;
- Xây dựng Hệ thống quản trị rủi ro ISO 31000:2018.

2.7. Đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ, xây dựng văn hóa đáng tin trong phạm vi cá nhân, đội nhóm, phòng ban và Công ty

- Đào tạo quản trị cơ sở dữ liệu Oracle chuyên sâu, kiến trúc AWS nâng cao & lập trình Odoo ERP cho phòng CNTT;

- Đào tạo sử dụng Revit cho các đơn vị sản xuất của Công ty;
- Đào tạo, huấn luyện hàng năm: huấn luyện sơ cấp cứu, huấn luyện và diễn tập PCCC...;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ các đơn vị, nâng cao năng lực và chuyên môn cho nguồn nhân lực, chú trọng vào đội ngũ nhân viên trẻ, có triển vọng;
- Triển khai các khóa đào tạo EVN phân bổ trên E-learning và xây dựng các khóa học của EVNPECC3 để đưa lên E-learning.

2.8. Công tác chuyển đổi số

Trên cơ sở mục tiêu, chiến lược và lộ trình CDS giai đoạn 2023-2025; Công ty đã ban hành kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023, trong đó tập trung ở các mục tiêu trọng yếu:

- Nâng cao năng lực BIM;
- Duy trì và cải tiến hệ thống An toàn thông tin theo ISO 27001, nâng cấp thành phiên bản ISO 27001:2022;
- Tập trung vào công tác số hoá cho từng bộ phận, từng mảng nghiệp vụ. Hình thành không gian làm việc số (digital workplace) đáp ứng trên 50% nghiệp vụ tại văn phòng;
- Và các nhiệm vụ khác trong kế hoạch Chuyển đổi số 2023 của Công ty ban hành ngày 02 tháng 03 năm 2023.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KH.



PHỤ LỤC 1:**DANH SÁCH CÁC HỢP ĐỒNG EVNPECC3 KÝ KẾT VỚI EVN/CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA EVN NĂM 2022***(Đính kèm Báo cáo số 2.0.29/BC-TVĐ3, ngày 21 tháng 6 năm 2023)*

TT	Tên dự án	Hạng mục công việc	Tên HĐ	Số HĐ	Ngày	Tổng giá trị	Chủ đầu tư/ Khách hàng
1	NCS TBA 500kV Sông Mã	TKKT, BVTC và HSMT	HĐ	01	05/01/2022	3,548,597,280	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
2	ĐD 110kV KCN Tân Phước 1 - trạm 110kV Tân Phước - Phú Cường - Mỹ Hội - Mỹ Thuận	KS, BCNCKT, TKBVTC, TT	HĐ	1	14/02/2022	15,643,217,700	ASPC
3	NMTĐ Đồng Nai 5		HĐ	103	07/03/2022	31,079,191	Công ty TĐ Đồng Nai 5
4	TBA 220KV Lắp Vò và ĐZĐN Thốt Nốt - Lắp Vò	KS, Lập BCNCKT	PL	809c	18/02/2022	237,892,350	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
5	TBA 220kV Chân Mây và ĐZĐN	Quan trắc vai phải đập dâng (CK 8A, 8B, 8C)	HĐ	12.223	07/03/2022	8,959,460,000	Ban QLDA Truyền tải điện
6	TĐ Đồng Nai 5	Quan trắc vai phải đập dâng (CK 8A, 8B, 8C)	HĐ	702	08/03/2022	460,866,956	Công ty TĐ Đồng Nai 5
7	NMNĐ Quảng Trạch II	TKKT	HĐ	12	01/03/2022	15,070,971,822	BQLDA điện 2
8	TBA 220kV KCN Phú mỹ 3 và ĐZĐN	Thẩm tra TKKT	HĐ	78	06/04/2022	385,676,480	AMN
9	TĐ Đa Nhim - Sông Pha	QT chuyên dịch chu kỳ 19 năm 2022	HĐ	73	22/04/2022	4,500,872,205	DHD
10	Nhà máy điện An Hội	TT BCNCK, TK-DT	HĐ	04	14/04/2022	99,665,741	Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu
11	NM Nhiệt điện Quảng Trạch 3 và Quảng Trạch 4	TT TKKT	HĐ	20	28/04/2022	1,517,762,963	Ban QLDA Truyền tải điện
12	Lắp máy BA thứ 2 TBA 220kV Cần Thơ	TKBVTC, HSMT	HĐ	024	05/04/2022	2,118,518,519	Ban QLDA Truyền tải điện
13	NC cải tạo hệ thống thiết bị đầu tư TSCĐ năm 2022	BCKTKT	HĐ	91	12/04/2022	402,625,000	DHD



TT	Tên dự án	Hạng mục công việc	Tên HĐ	Số HĐ	Ngày	Tổng giá trị	Chủ đầu tư/ Khách hàng
14	NM Thủy điện Trị An	TT thiết kế xử lý nâng cấp hệ thống thiết bị đóng cửa vang cung đập tràn	HĐ	2204	11/04/2022	46,296,296	Viện nghiên cứu Cơ Khí
15	NM NĐ Quảng Trạch I và DA CS hạ tầng thuộc TTĐL Quảng Trạch	GSKS, TT BVTC	HĐ	17	26/04/2022	445,000,000	BQLDA điện 2
16	NM NĐ Quảng Trạch II và DA CS hạ tầng thuộc TTĐL Quảng Trạch	KS, TKBVTC	HĐ	10	23/02/2022	609,768,014	BQLDA điện 2
17	NCS máy biến áp 110kV tại trạm biến áp 220kV Huế	TT- BVTC	HĐ	36	29/04/2022	39,000,000	Ban QLDA Truyền tải điện
18	Cải tạo nâng khả năng tải ĐZ 110kV một mạch từ TBA 220kV Cai Lậy - Mỹ Tho từ tiết diện AC185 lên 1 mạch , phân pha 2xACR185	Thẩm tra	HĐ	24	21/06/2022	331,702,691	ASPC
19	TTNĐ Nghi Sơn	Tính toán lan truyền và khuếch tán nhiệt nước làm mát	HĐ	206	20/05/2022	444,444,444	Công ty NĐ Nghi Sơn
20	XD đường dây 110kV mạch 2 từ 220kV Bến Tre - Trạm 110kV Giồng Trôm, tiết diện phân pha 2xACSR 240	TT TKCS, TKBVTC	HĐ	237	20/06/2022	201,504,379	ASPC
21	Cải tạo, nâng khả năng tải ĐZ 110kV Giồng Trôm - Ba Tri	TT TKCS, BVTC	HĐ	236	20/06/2022	221,868,775	ASPC
22	Cải tạo, nâng khả năng tải ĐZ 110kV Mỏ Cày - Bình Thạnh	TK TKCS, BVTC	HĐ	235	20/06/2022	331,812,774	ASPC
23	Cải tạo, nâng tiết diện ĐZ 110kV Đơn Dương - Đức Trọng	TK TKCS, BVTC	HĐ	233	20/06/2022	167,510,815	ASPC
24	XD ĐZ mạch 2 từ 110kV Giồng Trôm - Ba Tri, tiết diện phân pha 2xACSR 240	TK TKCS, BVTC	HĐ	234	20/06/2022	159,652,167	ASPC
25	Lộ ra 110kV trạm 220kV Tân Định 2	TK TKCS, BVTC	HĐ	232	20/06/2022	405,000,000	ASPC

TT	Tên dự án	Hạng mục công việc	Tên HĐ	Số HĐ	Ngày	Tổng giá trị	Chủ đầu tư/ Khách hàng
26	ĐZ 110kV Phước Hòa - Bình Minh	TK TKCS, BVTC	HĐ	231	20/06/2022	402,133,922	ASPC
27	Trạm 110kV Cát Tiên và ĐZ ĐN Đa Teh - Cát Tiên	TK TKCS, BVTC	HĐ	230	20/06/2022	299,515,306	ASPC
28	Trạm 110kV Đa Hoai và ĐZ ĐN	TK TKCS, BVTC	HĐ	229	20/06/2022	200,262,997	ASPC
29	Trạm 110kV Nha Bích và ĐZĐN	TK TKCS, BVTC	HĐ	228	20/06/2022	157,893,296	ASPC
30	Trạm 110kV Phú Mỹ 2 và ĐZ 110kV Tân Thành - Phú Mỹ 2	TT TKBVTC	HĐ	227	20/06/2022	109,710,749	ASPC
31	Trạm 110kV Sơn Mỹ và ĐZĐN	TK TKCS, BVTC	HĐ	194	20/06/2022	220,909,091	ASPC
32	Trạm 110kV Tân Phú Thạnh và ĐZĐN	TT TKBVTC	HĐ	172	20/06/2022	114,112,442	ASPC
33	ĐZ 110kV Xuất tuyến trạm 220kV Vĩnh Long 3 (Transit vào ĐZ 110kV Vĩnh Long - rẽ Tam Bình - Vũng Liêm)	Thẩm tra	HĐ	26	21/06/2022	236,368,956	Ban QLDA LD miền Nam
34	TBA 220kV Hòa Bình và ĐN	HS chấp thuận chủ trương đầu tư	PL	132a	16/06/2022	122,636,364	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
35	Mạch 2 ĐZ 220kV Bảo Lộc - Sông Mây	HS xin QĐ chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất rừng và lập HS xin chuyển mục đích sử dụng đất rừng	HĐ	209	09/06/2022	195,454,545	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
36	TBA 220kV Cái Bè và DDDN	HS chấp thuận chủ trương đầu tư	PL	425c	20/06/2022	121,772,727	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
37	Xây dựng ĐZ 110kV mạch 2 Trạm 110kV Bến Tre - Trạm 220kV Bến Tre	TT TKCS, TKBVTC	HĐ	242	23/06/2022	32,834,580	ASPC
38	Trạm 110kV Tam Bình và ĐZĐN	TT TKBVTC-DT	HĐ	241	23/06/2022	173,828,235	ASPC
39	Kéo dây mạch 2 ĐZ 110kV Cầu Kè - Trà Cú - Duyên Trà	TT TKCS, TKBVTC	HĐ	263	23/06/2022	118,531,274	ASPC
40	ĐZ 500kV Sông Hậu - Đức Hòa	Chuyển đổi mục đích rừng	PL	123	23/06/2022	236,500,000	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
41	ĐZ 220kV Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	TT TKBVTC-DT	HĐ	249	23/06/2022	303,855,901	ASPC

TT	Tên dự án	Hạng mục công việc	Tên HĐ	Số HĐ	Ngày	Tổng giá trị	Chủ đầu tư/ Khách hàng
42	TBA 220kV Đất Đỏ - và ĐN	Thỏa thuận chủ trương đầu tư	PL	4519d	21/06/2022	115,727,273	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
43	TBA 220kV Hàm Thuận Nam	Thỏa thuận chủ trương đầu tư	PL	386a	22/06/2022	124,363,636	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
44	TBA 220kV Bình Mỹ và ĐN	lập HS chấp thuận chủ trương đầu tư	PL	803c	24/06/2022	101,909,091	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
45	ĐZ 220kV Tân Sơn Nhất - Thuận An	lập HS chấp thuận chủ trương đầu tư	PL	223c	08/07/2022	306,590,909	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
46	TBA 220kV Long Sơn và ĐN	lập HS chấp thuận chủ trương đầu tư	PL	420d	23/06/2022	108,818,182	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
47	TBA 500kV Đức Hòa và ĐZĐN	KS nắn tuyến T29, T35, và dịch vị trí trụ T76	PL	293f	21/06/2022	876,322,679	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
48	NM nhiệt điện Duyên Hải 1,2,3 MR	Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước		220711	11/07/2022	392,100,000	ANĐ3
49	Cải tạo nâng cấp đường dây 110kV Đa Nhim - Đà Lạt 1 từ MCM 336 thành AC240	TT TKCS, BVTC	HĐ	306	25/07/2022	246,767,299	ASPC
50	Cải tạo, nâng tiết điện ĐZ Đa Nhim - Đơn Dương	TT TKCS, BVTC	HĐ	305	25/07/2022	197,238,297	ASPC
51	ĐZ 110kV mạch 2 Phước Thuận - Xuyên Mộc - Trạm 220kV Hàm Tân	Đo vẽ địa chính pv bồi thường GPMB	HĐ	23A	29/07/2022	1,483,333,333	ASPC
52	NM Nhiệt điện Quảng Trạch I	TT hồ sơ hiệu chỉnh DADT	HĐ	31	28/07/2022	411,314,660	BQLDA điện 2
53	NM nhiệt điện Ô Môn IV	GS thi công XD hạng mục Hàng rào bảo vệ TTĐL Ô Môn	HĐ	1.22	02/08/2022	415,399,100	BQLDA điện 3
54	TĐ Đức Thành	KS đánh giá dự án	HĐ	7	30/08/2022	442,373,636	Công ty CP TĐ Thác Mơ
55	ĐZ 220kV TBA 500kV Long Thành - Công nghệ cao	Lập HS chủ trương đầu tư	PL	221c	06/09/2022	545,818,182	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
56	ĐZ 220kV Hồng Ngự - Châu Đốc	Lập HS chấp thuận chủ trương ĐT	PL	385a	05/09/2022	608,863,636	Ban QLDA các công trình điện miền Nam

TT	Tên dự án	Hạng mục công việc	Tên HĐ	Số HĐ	Ngày	Tổng giá trị	Chủ đầu tư/ Khách hàng
57	Xây dựng hồ điều hòa trung chuyển từ hồ tới các NMNĐ trong TTĐL Duyên Hải gđ2	KS, TKBVTC	HĐ	923	23/09/2022	2,652,858,959	AND3
58	TĐ Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4	Đo đạc lập bản đồ địa chính và thực hiện thủ tục thuê đất lòng hồ vùng phụ cận bảo vệ đập	HĐ	85	30/09/2022	508,626,111	Công ty TĐ Đồng Nai
59	ĐZ 220kV Đô Lương - Nam Cẩm		HĐ	49	20/09/2022	854,280,000	Ban QLDA các công trình điện miền Trung
60	TĐ Thác Mơ MR	BCKTKT	HĐ	04B	31/08/2022	154,569,479	Công ty CP TĐ Thác Mơ
61	Cải tạo, Nâng khả năng tải ĐZ 220kV Hà Giang - Bắc Mê - Thái Nguyên, Thái Nguyên - Lưu Xá - Phú Bình	TTBCNCKT	HĐ	2208	29/08/2022	243,000,000	Ban QLDA các công trình điện miền Bắc
62	TBA 220kV Đức Hòa 2 và ĐN	BS công tác lập HS chấp thuận	PL	451a	08/04/2022	134,465,741	Ban QLDA Truyền tải điện
63	Đầu tư mua sắm TSCĐ năm 2022	BCKTKT hạng mục nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận	HĐ	166	30/09/2022	695,000,000	DHD
64	ĐZ 220kV Thái Bình - Thanh Nghị	KSXD, lập BCNCKT	PL	101	10/05/2022	255,092,593	Ban QLDA các công trình điện miền Bắc
65	TBA 220kV Thanh Hà và ĐZĐN	TT TKCS	PL	1	24/02/2022	125,523,148	Ban QLDA các công trình điện miền Bắc
66	ĐZ 500kV Hải Phòng - Thái Bình	KSXD, lập BCNCKT	PL	77	10/05/2022	298,194,444	Ban QLDA các công trình điện miền Bắc
67	ĐZ 220kV TBA 500kV Hải Phòng - Gia Lộc	KSXD, lập BCNCKT	PL	105	10/05/2022	261,250,000	Ban QLDA các công trình điện miền Bắc
68	Lắp bổ sung hệ thống chữa cháy tự động trụ sở làm việc của SPMB	GSKSXD, BCKTKT	HĐ	434	03/10/2022	68,750,000	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
69	NMTĐ ĐaM'Bri	TT TK xử lý bồi lắng lòng hồ khu vực cửa nhận nước	HĐ	16	14/10/2022	181,596,771	Công ty CP Thủy điện miền Nam

TT	Tên dự án	Hạng mục công việc	Tên HĐ	Số HĐ	Ngày	Tổng giá trị	Chủ đầu tư/ Khách hàng
70	NCS TBA 220kV Tuy Hòa từ 2x125MVA lên (125+250)MVA	TT TKBVTC-DT	HĐ	131.223	30/09/2022	43,774,820	BQLDA TT Điện
71	NM thủy điện An Khê	KS, Lập phương án sửa chữa	HĐ	1587	26/10/2022	1,625,409,800	Công ty An Khê - Ka NaK
72	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2022 TĐ Trị AN	Quan trắc chuyển dịch đứng và ngang chu kỳ năm 2022	HĐ	1754	25/10/2022	504,322,222	Công ty TĐ Trị An
73	Cải tạo ĐZ 220kV Châu Đốc - Kiên Bình 01 mạch thành 02 mạch	Lập HS chấp thuận chủ trương ĐT	PL	0131a	10/10/2022	262,636,364	Ban QLDA Truyền tải điện
74	NMTĐ Buôn Tua Srah	QT chuyển dịch chu kỳ 14	HĐ	1710	17/10/2022	507,674,993	Công ty TĐ Buôn Kuốp
75	TBA 220kV Hàm Thuận Nam	BCNCKT	PL	386b,	01/11/2022	169,545,929	AMN
76	Lắp đặt hệ thống BESS cấp nguồn cho hệ thống xuất tro bay NMNĐ Vĩnh Tân 2	TT BCNCKT	HĐ	58	17/11/2022	156,481,481	GENCO3
77	Đánh giá tiềm năng các dự án nguồn điện tại CHDCND Lào đấu nối vào HTĐ Việt Nam năm 2023	Đánh giá tiềm năng	HĐ	59	18/11/2022	436,363,636	GENCO3
78	ĐZ 220kV Phước Đông - TBA 500kV Tây Ninh 1	ĐMT	PL	197b	06/12/2022	312,604,537	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
79	TBA 220kV Hồng Ngự	ĐTM	PL	345a	21/12/2022	361,261,000	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
80	TBA 220kV Phước Đông	Lập BC đề xuất cấp giấy phép MT	PL	196b	30/12/2022	365,841,200	Ban QLDA các công trình điện miền Nam
TỔNG CỘNG						76,983,150,088	

Số: **203** 0BC-TVĐ3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022 VÀ
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (EVNPECC3) trân trọng báo cáo (i) Bản báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán; (ii) Kết quả sản xuất kinh doanh, một số chỉ tiêu tài chính trọng yếu và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022 và (iii) Kế hoạch tài chính năm 2023 để Đại hội xem xét và quyết định, cụ thể như sau:

I. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2022

<u>Nội dung</u>	<u>Số dư đầu năm</u>	<u>Số dư cuối năm</u>
1- Tài sản ngắn hạn	207.663 triệu đồng	153.815 triệu đồng
+ Tiền và tương đương tiền	35.993 triệu đồng	17.306 triệu đồng
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.221 triệu đồng	221 triệu đồng
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	145.823 triệu đồng	108.394 triệu đồng
+ Hàng tồn kho	21.144 triệu đồng	26.546 triệu đồng
+ Tài sản ngắn hạn khác	482 triệu đồng	1.348 triệu đồng
2- Tài sản dài hạn	120.525 triệu đồng	115.646 triệu đồng
+ Các khoản phải thu dài hạn	43.293 triệu đồng	42.312 triệu đồng
+ Tài sản cố định	19.863 triệu đồng	17.003 triệu đồng
+ Tài sản dở dang dài hạn	162 triệu đồng	292 triệu đồng
+ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	53.150 triệu đồng	53.150 triệu đồng
+ Tài sản dài hạn khác	4.057 triệu đồng	2.889 triệu đồng
3- Tổng cộng tài sản (1+2):	328.188 triệu đồng	269.461 triệu đồng
4- Nợ phải trả:	203.299 triệu đồng	127.412 triệu đồng
+ Nợ ngắn hạn	203.299 triệu đồng	127.412 triệu đồng
5- Vốn chủ sở hữu:	124.889 triệu đồng	142.049 triệu đồng
+ Vốn chủ sở hữu	124.889 triệu đồng	142.049 triệu đồng
- Vốn đầu tư của CSH	82.761 triệu đồng	95.173 triệu đồng
- Thặng dư vốn cổ phần	0 triệu đồng	0 triệu đồng
- Cổ phiếu quỹ	0,14 triệu đồng	0,14 triệu đồng
- Quỹ Đầu tư phát triển	19.072 triệu đồng	25.116 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế	23.056 triệu đồng	21.760 triệu đồng
6- Tổng cộng nguồn (4+5):	328.188 triệu đồng	269.461 triệu đồng



Ghi chú: Giá sổ sách cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2022 là:

(142.048.719.330 đồng / 9.517.303 cổ phiếu = 14.925 đồng/cổ phiếu)

II. Kết quả hoạt động SXKD và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022	Thực hiện	So sánh thực hiện/ kế hoạch
1- Vốn điều lệ	95,17	95,17	100%
2- Doanh thu (bao gồm doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác)	350,00	259,53	74,15%
3- Lợi nhuận trước thuế	26,00	23,60	90,78%
4- Lợi nhuận sau thuế	20,80	19,89	95,60%
5- Lợi nhuận năm trước để lại	1,87	1,87	
6- Lợi nhuận được phân phối (4+5)	22,67	21,76	
- Chia cổ tức bằng tiền	Không thấp hơn 12% mệnh giá	5% VDL tương đương 4,76 tỷ đồng	
- Trích lập Quỹ KTPL (10% LNST)	10% LNST	1,99	
- Trích Quỹ thưởng NQL và KSV (1,5 tháng lương, thù lao)	1,5 tháng lương, thù lao	0,70	
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển (30% LNST)	Tối đa 30% LNST	5,97	
- Lợi nhuận để lại		8,34	

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đã thực hiện trong năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước	Năm nay
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	36,72% 63,28%	42,92% 57,08%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	61,95% 38,05%	47,28% 52,72%
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,92 1,02	1,00 1,21
4	Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất LN sau thuế/Nguồn vốn CSH	%	6,14% 6,45% 16,13%	7,38% 7,91% 14,00%

III. Kế hoạch tài chính năm 2023

Căn cứ kế hoạch doanh thu, tỷ lệ chi phí thực hiện của năm trước và đánh giá tình hình kinh tế trong nước, Công ty trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch tài chính năm 2023 như sau:

- | | |
|--|-----------------------------|
| 1. Tổng doanh thu: | 285,0 tỷ đồng |
| 2. Tổng chi phí: | 259,0 tỷ đồng |
| 3. Lợi nhuận trước thuế (1-2): | 26,0 tỷ đồng |
| 4. Lợi nhuận sau thuế: | 20,8 tỷ đồng |
| 5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023: | |
| - Tỷ lệ chi trả cổ tức: | Không thấp hơn 12% mệnh giá |
| - Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi: | 10% LNST |
| - Trích Quỹ Đầu tư phát triển: | tối đa 30% LNST |
| - Quỹ thưởng NQL và KSV: Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH. | |

Trên đây là báo cáo tình hình tài chính năm 2022 và kế hoạch tài chính năm 2023.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) quy định tại điều lệ sửa đổi lần 11 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (CP TVXDĐ3) ban hành ngày 04/11/2022;

- Căn cứ vào Quy chế hoạt động của BKS ban hành tại Quyết định số 0001/QĐ-BKS ngày 04/5/2021;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 120/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24/6/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP TVXDĐ3,

Ban kiểm soát Công ty CP TVXDĐ3 báo cáo một số nội dung như sau:

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1.1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:

	Vị trí	Tiền lương tháng (tr. đồng)	Thù lao tháng (tr. đồng)
1	Trưởng Ban kiểm soát	31,2	-
2	Kiểm soát viên không chuyên trách		6

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP TVXDĐ 3 cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật. Ban kiểm soát đã triển khai việc kiểm soát, giám sát các hoạt động của Công ty theo kế hoạch đã được Đại hội cổ đông phê duyệt. Tình hình thực hiện kiểm tra, giám sát tại Công ty của BKS trong năm 2022 tập trung vào các vấn đề sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 24/6/2022;
- Giám sát tình hình hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty đối và các quy chế quản trị nội bộ đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư mua sắm tài sản phục vụ sản xuất trong Công ty;
- Tham gia, theo dõi thường xuyên tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, công tác lập báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh. Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2022.

Sau các đợt kiểm tra giám sát đều có ghi nhận biên bản làm việc giữa Ban kiểm soát và Công ty cũng như các đơn vị được kiểm tra trực tiếp. Trong đó ghi nhận các nội dung kiểm tra và các ý kiến của Ban kiểm soát phát hiện sớm các vấn đề, các rủi ro (nếu có) có thể xảy ra nhằm hạn chế thấp nhất thất thoát về tài sản của Công ty ảnh hưởng đến tài chính cũng như các nguồn lực của Công ty. Các khuyến nghị của Ban kiểm soát cùng Công ty lắng cường công tác quản trị các mặt hoạt động của Công ty từ đó từng bước giúp Công ty hoạt động hiệu quả.

1.2.1. Các hoạt động cụ thể của Ban kiểm soát:

- Đã tiến hành 02 đợt kiểm soát trực tiếp tại trụ sở chính của Công ty. Trong năm đã chú trọng những vấn đề còn tồn tại của năm trước cụ thể: kiểm tra các khoản công nợ phải thu khách hàng, các khoản trích lập dự phòng phải thu và các quỹ tiền lương còn tồn đọng của năm trước chuyển sang năm 2022.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định hàng quý.
- Tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ và một số buổi họp của Ban lãnh đạo về kế hoạch kinh doanh cũng như báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022.
- Tham gia đánh giá và đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2022 và báo cáo tài chính cả năm 2021. Đã chọn kiểm toán VACO để thực hiện. Ban kiểm soát cũng đã theo dõi giám sát quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty kiểm toán độc lập VACO đảm bảo chất lượng cho báo cáo kiểm toán trước khi phát hành.
- Đã tiến hành thẩm định lại Báo cáo tài chính giai đoạn soát xét 6 tháng và cả năm 2022 sau khi đã phát hành công bố.

1.2.2. Các cuộc họp và triển khai kiểm soát trực tiếp của BKS trong năm như sau:

Ngày	Nội dung họp và làm việc	Thành phần tham dự
26/08/2022	Kiểm tra trực tiếp tại chi nhánh của Công ty – Chi nhánh miền trung : <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra việc thực hiện sản xuất 6 tháng đầu năm 2022. - Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2022. - Các nội dung khác như tình hình công nợ phải thu, phải trả 6 tháng đầu năm 2022; phân phối tiền lương ; hợp đồng thuê ngoài. 	3/3 Thành viên BKS Và các bên liên quan của Chi nhánh (báo cáo kiểm soát 6 tháng đầu năm 2022)
15/3/2022	+ Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị năm 2022.	3/3 Thành viên BKS Và các bên liên quan của Công ty

	<ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2022. + Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 (sau khi đã có báo cáo kiểm toán 2022) + Các nội dung khác như: Tình hình ĐTXD và sửa chữa lớn; Đầu tư tài chính dài hạn; Mua sắm TSCĐ, Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát trong kỳ kiểm soát trước. + Đã tập trung kiểm soát: công nợ phải thu của Khách hàng, công tác trích lập dự phòng phải thu khó đòi, công tác thanh toán lương cho người lao động. 	(Có biên bản làm việc ngày 13/3/2022)
--	---	---------------------------------------

Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp với Công ty, Ban kiểm soát đã thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu liên quan đến Công ty và cùng đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực cho hoạt động của Công ty.

2. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2.1. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2022:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã có Nghị quyết số 120/NQ-ĐHCĐ-TVĐ3 ngày 24/6/2022, trong đó có nội dung thông qua kế hoạch sản xuất và kế hoạch tài chính năm 2022, cụ thể như sau:

Bảng số 1: Báo cáo tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ

TT	Nội dung	ĐVT	Nghị quyết	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Phân phối lợi nhuận 2021				
	- Quỹ KT, PL	Triệu đ	2.015	2.015	100%
	- Cổ tức	Triệu đ	12.414	12.414	100%
	- Quỹ ĐTPT	Triệu đ	6.044	6.044	100%
	- Khen thưởng Ban đ/hành	Triệu đ	711	711	100%
	- Lợi nhuận chưa p/phối	Triệu đ	1.872	1.872	100%
2	Sản xuất SXKD năm 2022				
	- Tổng doanh thu	Triệu đ	350.000	259.532	74.15%
	- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	26.000	23.603	90.78%
	- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đ	20.800	19.886	95.60%
	- Cổ tức	%	12%	Công ty đang trình ĐHCĐ 2023 phê duyệt	
3	Đầu tư và mua sắm 2022				
	- Đầu tư tài chính và góp vốn	Triệu đ			
	- Mua sắm tài sản và đầu tư khác	Triệu đ	9.000	983	10,92%
4	Lương và Thù lao HĐQT, Ban KS năm 2022				
	- Chủ tịch HĐQT	Tr.đ/tháng	35,1	35,1	100%

TT	Nội dung	ĐVT	Nghị quyết	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
	- TV HĐQT (kiêm TGD)	Tr.đ/tháng	33,8	33,8	100%
	- TV HĐQT (kiêm P.TGD)	Tr.đ/tháng	29,9	29,9	100%
	- Trưởng Ban KS	Tr.đ/tháng	31,2	31,2	100%
	- Thành viên HĐQT	Tr.đ/tháng	6	6	100%
	- Thành viên BKS	Tr.đ/tháng	6	6	100%
5	Đơn vị kiểm toán BCTC 2022		Ủy quyền HĐQT	VACO	

2.2. Hoạt động giám sát đối HĐQT và của Ban điều hành năm 2022:

2.2.1. Đối với Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 15 Nghị quyết:

- 04 cuộc họp định kỳ để thống nhất một số các nội dung quan trọng: Xem xét kết quả kinh doanh, lập kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch,... thống nhất kế hoạch SXKD năm 2022, kế hoạch tài chính năm 2022 và kế hoạch mua sắm TSCĐ và ĐTXD năm 2022; Thống nhất một số chủ trương để Ban TGD có cơ sở thực hiện trong quá trình điều hành sản xuất của Công ty.
- Ngoài ra, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản, họp các cuộc họp bất thường thông qua một điều hành các hoạt động của Công ty khi cần thiết.

2.2.2. Đối với Ban Tổng giám đốc:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty, cụ thể:
 - ✓ HĐQT Công ty đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, công tác nghiệm thu và thu hồi công nợ, các công tác quản lý và các mặt hoạt động khác;
 - ✓ Ban TGD đã triển khai điều hành sản xuất theo đúng nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt trong Nghị quyết.

Một số vấn đề còn tồn tại đã được Ban kiểm soát nêu tại các Biên bản kiểm soát đã được HĐQT và Ban TGD đã và đang xem xét, nghiên cứu tìm phương án giải quyết.

2.2.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT:

- Ban kiểm soát luôn nhận được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính, hoạt động lập kế hoạch cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty trong kỳ.
- Ban kiểm soát luôn chủ động phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Ban kiểm soát cũng đã phối hợp chặt chẽ với các phòng ban, đơn vị trong Công ty nhằm thực hiện các cuộc kiểm tra trong kỳ.

2.3. Thăm tra báo cáo tài chính của Công ty:

2.3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

Bảng số 2: Kết quả kinh doanh năm 2022 so với năm 2021

(Đơn vị tính: Việt Nam đồng)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch số tuyệt đối	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	251.241.254.893	316.338.431.189	(65.097.176.296)	79,42%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		4.136.813.513	(4.136.813.513)	0,00%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	251.241.254.893	312.201.617.676	(60.960.362.783)	80,47%
4. Giá vốn hàng bán	157.450.682.211	216.461.702.077	(59.011.019.866)	72,74%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.790.572.682	95.739.915.599	(1.949.342.917)	97,96%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.985.457.089	827.291.292	6.158.165.797	844,38%
7. Chi phí tài chính	747.915.038	(561.774.850)	1.309.689.888	-133,13%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	505.951.005	383.929.396	122.021.609	131,78%
8. Chi phí bán hàng	22.034.324.598	18.930.195.747	3.104.128.851	116,40%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.790.103.937	54.184.391.485	605.712.452	101,12%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh :	23.203.686.198	24.014.394.509	(810.708.311)	96,62%
11. Thu nhập khác	1.305.558.552	1.284.115.017	21.443.535	101,67%
12. Chi phí khác	906.358.055	107.378.103	798.979.952	844,08%
13. Lợi nhuận khác	399.200.497	1.176.736.914	(777.536.417)	33,92%
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết			-	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.602.886.695	25.191.131.423	(1.588.244.728)	93,70%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.717.163.662	5.045.308.747	(1.328.145.085)	73,68%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-		-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.885.723.033	20.145.822.676	(260.099.643)	98,71%
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.089	2.434	(345)	85,84%
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			-	

Doanh thu hoạt động kinh doanh của năm 2022 đạt 79% so với năm 2021, và đạt 74% so với kế hoạch được phê duyệt. Tương tự, lợi nhuận năm 2022 của Công ty cũng đạt 96% so với kế hoạch đặt ra. Chi tiết như sau:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu	350.000	259.532	74%

a	Doanh thu tự làm:		211.741	
b	Doanh thu EPC, thuê ngoài, khác:		39.500	
c	Doanh thu/Thu nhập khác:		8.291	
2	Tổng chi phí	324.000	235.929	
3	Lợi nhuận trước thuế	26.000	23.603	91%
4	Lợi nhuận sau thuế	20.800	19.886	96%

2.3.2. Cơ cấu tài sản nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2022:

Bảng số 3: Tóm tắt tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ (01/01/2022)	Số cuối kỳ (31/12/2022)	Chênh lệch	Tỷ lệ
I Tài sản ngắn hạn	207.663,13	153.815,23	(53.847,90)	74,07%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	35.993,38	17.305,78	(18.687,60)	48,08%
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.220,79	220,79	(4.000,00)	5,23%
3. Các khoản phải thu	145.823,03	108.394,59	(37.428,43)	74,33%
<i>Trong đó: Nợ phải thu khó đòi</i>	36.879,78	45.765,67	8.885,89	124,09%
4. Hàng tồn kho	21.144,38	26.546,34	5.401,96	125,55%
5. Tài sản ngắn hạn khác	481,55	1.347,73	866,18	279,87%
II Tài sản dài hạn	120.525,22	115.646,14	(4.879,07)	95,95%
1. Các khoản phải thu dài hạn	43.292,93	42.311,65	(981,28)	97,73%
2. Tài sản cố định:	19.863,26	17.003,45	(2.859,82)	85,60%
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	10.432,71	8.409,17	(2.023,54)	80,60%
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>				
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	9.430,55	8.594,27	(836,28)	91,13%
3. Bất động sản đầu tư				
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	162,00	291,60	129,60	180,00%
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	53.150,00	53.150,00	-	100,00%
6. Tài sản dài hạn khác	4.057,02	2.889,44	(1.167,58)	71,22%
Tổng cộng tài sản	328.188,35	269.461,37	(58.726,98)	82,11%
III. Nợ phải trả	203.299,35	127.412,65	(75.886,70)	62,67%
1. Nợ ngắn hạn	203.299,35	127.412,65	(75.886,70)	62,67%
<i>Trong đó : Nợ quá hạn</i>				
2. Nợ dài hạn				
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	124.889,00	142.048,72	17.159,72	113,74%
1. Vốn của chủ sở hữu	124.889,00	142.048,72	17.159,72	113,74%
<i>Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	82.760,80	95.173,03	12.412,23	115,00%
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác				
Tổng cộng nguồn vốn	328.188,35	269.461,37	(58.726,98)	82,11%

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, đến 31/12/2022, tình hình tài chính của Công ty năm 2022 không biến động nhiều và có xu hướng suy giảm so năm 2021. Ban kiểm soát đã kiểm tra, làm rõ và lưu ý Công ty những vấn đề liên quan:

- *Đối với công nợ phải thu*: Tổng nợ phải thu đến thời điểm 31/12/2022 là: 174,51 tỷ

Trong đó:

- + Nợ chưa đến hạn phải thu là: 64,60 tỷ
- + Nợ trong thời hạn phải thu là: 63,31 tỷ
- + Nợ quá hạn phải thu: 46,60 tỷ

So với năm 2021, nợ phải thu của Công ty giảm 33,7 tỷ, tương ứng 16%. Đây là một nỗ lực lớn của Công ty. Tuy nhiên nợ phải thu của Công ty vẫn còn ở mức cao, đặc biệt là khoản nợ quá hạn phải thu (nợ phải thu khó đòi) chiếm 27% tổng nợ phải thu, có thể gây ra thiệt hại cho Công ty như: dòng tiền bị ảnh hưởng, bị chiếm dụng vốn và ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư, từ đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây giảm sút về tài chính.

- *Đối với Trích lập dự phòng nợ khó đòi*: Số dư tài khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm ngày 31/12/2022 của Công ty là 30,3 tỷ đồng, tăng 6 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021. Công ty đã thường xuyên rà soát các khoản công nợ phải thu để thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định của pháp luật.

- *Đối với người lao động*: đến thời điểm ngày 31/12/2022: khoản phải trả Người lao động là 44.052 triệu đồng và khoản vay ngắn hạn lương người lao động: 12.715 triệu đồng. Khoản nợ này Công ty sẽ thực hiện chi trả hết cho Người lao động trước 31/3/2023 theo đúng quy định.

2.3.3. Tình hình huy động và sử dụng vốn:

Một số chỉ tiêu chính yếu nhất có thể phản ánh tình tài chính của Công ty đã thực hiện trong năm 2022 so với cùng kỳ 2021 theo bảng chi tiết tổng hợp sau:

Bảng số 3: Một số chỉ tiêu tài chính đến ngày 31/12/2022

TT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch (tuyệt đối)	Tỷ lệ %
I	Vốn và tài sản					
1	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	38,05%	52,72%	0,15	138,53%
2	Tổng nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	1,63	0,90	(0,73)	55,10%
3	Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	61,95%	47,28%	(0,15)	76,33%
4	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	63,28%	57,08%	(0,06)	90,21%
5	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	36,72%	42,92%	0,06	116,86%
II	Khả năng thanh toán					
1	Hệ số thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/ Nợ phải trả)	Lần	1,61	2,11	0,50	131,01%
2	Hệ số thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/Nợ Ngắn hạn)	Lần	1,02	1,21	0,19	118,19%

TT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch (tuyệt đối)	Tỷ lệ %
3	Hệ số thanh toán nhanh (Tiền & tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,18	0,14	(0,04)	76,72%
III	Hiệu quả sử dụng vốn					
1	Doanh thu trên tổng vốn	%	95,77%	96,32%	0,01	100,57%
2	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	16,13%	14,00%	(0,02)	86,78%
3	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	6,14%	7,38%	0,01	120,22%

2.3.4. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài Công ty:

Trong năm 2022, Công ty không có kế hoạch góp vốn. Tổng số vốn góp và đầu tư tài chính của Công ty lũy kế đến 31/12/2022 là 53.370,79 triệu đồng, bao gồm góp vốn vào các đơn vị sau:

- Công ty CP EVN Quốc tế (EVNI): 3 tỷ 150 triệu đồng;
- Công ty CP Phong điện Thuận Bình (TBW): 50 tỷ;
- Công ty CP thủy điện miền Trung (CHP): 220,79 triệu đồng.

3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Theo đánh giá chung của Ban kiểm soát, Công ty đã và đang hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, và Điều lệ của Công ty cũng như các quy định liên quan như quy chế quản trị nội bộ và các quy chế khác liên quan đến điều hành hoạt động sản xuất của Công ty. Trong quá trình kiểm tra giám sát trong năm 2022, BKS có một số kiến nghị yêu cầu Công ty cần lưu ý để triển khai nhằm hoàn thiện các hoạt động của Công ty:

- (1) Đối với các khoản công nợ phải thu (Ngắn hạn, dài hạn): Đề nghị Công ty tích cực thu hồi các khoản công nợ phải thu (ngắn hạn, dài hạn) để tránh bị chiếm dụng vốn, ảnh hưởng đến dòng tiền của Công ty; Thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định.
- (2) Đối với khoản vay người lao động: Đề nghị Công ty rà soát, xem xét lại việc vay nợ tiền lương CBCNV của các Chi nhánh để hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi cho Người lao động, yêu cầu Công ty khẩn trương thực hiện hoàn trả các khoản vay/nợ lương cho Người lao động trong thời gian sớm nhất.
- (3) Đối với các Hóa đơn, chứng từ: Đề nghị Công ty thực hiện rà soát các Hóa đơn, chứng từ, tránh để xảy ra các sai sót mà Ban kiểm soát đã đưa trong các đợt kiểm soát trực tiếp tại Công ty cũng như chi nhánh.

4. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2023 CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Giám sát tính tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; Theo dõi giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý, năm 2023; Thẩm định báo cáo tài chính báo cáo tài chính theo quý, năm 2023; Giám sát đánh giá chất lượng

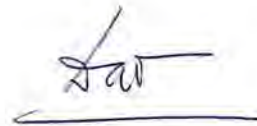
công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty nhằm đảm bảo báo cáo tài chính đáng tin cậy và trung thực.

- Tập trung công tác quản trị rủi ro, lấy ngăn chặn và phòng ngừa làm mục tiêu chính đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ.
- Tăng cường giám sát công tác quản lý chi phí hoạt động của Công ty; Đẩy mạnh công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau kiểm tra, đảm bảo các cuộc kiểm tra chất lượng, hiệu quả.
- Kiểm tra tính hiệu quả và an toàn trong việc sử dụng vốn của các khoản mục đầu tư, tính khả thi của các khoản đầu tư (nếu có).

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trương Thị Anh Đào

TỜ TRÌNH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/9/2007 và sửa đổi, bổ sung lần 11 ngày 04/11/2022.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022:

1.1. Doanh thu và lợi nhuận:

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ
Doanh thu	350,00 tỷ đồng	259,53 tỷ đồng	74%
Lợi nhuận trước thuế	26,00 tỷ đồng	23,60 tỷ đồng	91%
Lợi nhuận sau thuế	20,80 tỷ đồng	19,89 tỷ đồng	96%

1.2. Đầu tư xây dựng: Không thực hiện.

1.3. Mua sắm tài sản cố định:

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ
Mua sắm tài sản cố định	9,00 tỷ đồng	0,98 tỷ đồng	11%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

2.1. Kế hoạch doanh thu năm 2023: 285,00 tỷ.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ủy quyền HĐQT điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2023 trong trường hợp các chỉ tiêu SXKD đạt mức cao hơn.

2.2. Kế hoạch lợi nhuận: 26,00 tỷ.

2.3. Kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định: 22 tỷ, trong đó:

- Các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 tại Thành phố Hồ Chí Minh: 15,00 tỷ;
- Mua sắm tài sản cố định: 7,00 tỷ.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Như Hoàng Tuấn

TỜ TRÌNH

Thông qua Kết quả tài chính năm 2022 đã kiểm toán và Kế hoạch tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/9/2007 và sửa đổi, bổ sung lần 11 ngày 04/11/2022;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua:

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (như đính kèm).
- Kết quả tài chính năm 2022:

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	(đơn vị tính: tỷ đồng)
			Tỷ lệ %
1- Tổng doanh thu:	350,00	259,53	74%
2- Lợi nhuận trước thuế:	26,00	23,60	91%
3- Lợi nhuận sau thuế:	20,80	19,89	96%

- Kế hoạch tài chính năm 2023:

1- Tổng doanh thu:	285,00 tỷ đồng
Trong đó:	
- Doanh thu dịch vụ tư vấn:	280,00 tỷ đồng
- Doanh thu tài chính và khác:	5,00 tỷ đồng
2- Lợi nhuận trước thuế:	26,00 tỷ đồng
3- Lợi nhuận sau thuế:	20,80 tỷ đồng

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

Đính kèm:

- BCTC năm 2022 đã được kiểm toán.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Như Hoàng Tuấn

TỜ TRÌNH

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/9/2007 và sửa đổi, bổ sung lần 11 ngày 04/11/2022;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua (i) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và (ii) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

1. Lợi nhuận sau thuế 2022 (LNST):	19.886 triệu đồng
2. Lợi nhuận năm trước để lại:	1.874 triệu đồng
3. Lợi nhuận được phân phối (LNPP) (=1+2):	21.760 triệu đồng
4. Phân phối lợi nhuận:	
a. Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% LNST):	1.989 triệu đồng
b. Trích Quỹ thưởng NQL và KSV (1,5 tháng lương):	700 triệu đồng
c. Trả cổ tức bằng tiền mặt (5% mệnh giá):	4.759 triệu đồng
d. Trích quỹ Đầu tư phát triển (30% LNST):	5.966 triệu đồng
e. Lợi nhuận còn lại sau phân phối:	8.346 triệu đồng

DHĐCĐ thường niên năm 2023 giao HĐQT và Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2022 theo đúng quy định hiện hành.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023:

1. Tỷ lệ trả cổ tức: Không thấp hơn 12%/mệnh giá;
2. Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% LNST 2023;
3. Trích Quỹ thưởng NQL và KSV: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH;



4. Trích Quỹ Đầu tư phát triển: Tối đa 30% LNST.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Như Hoàng Tuấn



Số: 127/TTr-HĐQT-TVĐ3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Quyết toán tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2022
và Kế hoạch tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/9/2007 và sửa đổi, bổ sung lần 11 ngày 04/11/2022;

- Căn cứ Điều 3 của Nghị quyết số 120/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24/6/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 về việc thông qua kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2022.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua quyết toán tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao cho các Thành viên HĐQT và BKS năm 2023 như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2022:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số người	Mức lương tháng/người	Mức thù lao tháng/người	Tổng thu nhập năm
I	Hội đồng quản trị				
A	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/06/2022				
1	Chủ tịch HĐQT	01	31,86	0	191,17
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	01	30,68	0	184,10
3	Thành viên HĐQT không chuyên trách	02	0	5,45	65,40
B	Từ ngày 24/06/2022 đến ngày 31/12/2022				
1	Chủ tịch HĐQT	01	31,86	0	191,17
2	Thành viên HĐQT kiêm quyền Tổng giám đốc	01	27,14	0	162,86
3	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	02	27,14	0	325,72
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	01	0	5,45	32,68



TT	Nội dung	Số người	Mức lương tháng/người	Mức thù lao tháng/người	Tổng thu nhập năm
II Ban kiểm soát					
1	Trưởng BKS (chuyên trách)	01	28,32	0	339,88
2	Thành viên BKS (không chuyên trách)	02	0	5,45	130,72
Tổng cộng					1.623,70

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 cho các Thành viên HĐQT và BKS:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số người	Mức lương tháng/người	Mức thù lao tháng/người	Tổng thu nhập năm
I Hội đồng quản trị					
1	Chủ tịch HĐQT	01	35,1	0	421,20
2	Thành viên HĐQT kiêm TGD /kiêm quyền TGD	01	33,8	0	405,60
3	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	02	29,9	0	717,60
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	01	0	5,98	71,76
II Ban kiểm soát					
1	Trưởng BKS (chuyên trách)	01	31,2	0	374,40
2	Thành viên BKS (không chuyên trách)	02	0	5,98	143,52
Tổng cộng					2.134,08

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Như Hoàng Tuấn

TỜ TRÌNH

**Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính
giai đoạn 2023-2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/9/2007 và sửa đổi, bổ sung lần 11 ngày 04/11/2022.

Theo điểm i khoản 2 Điều 14 của Điều lệ Công ty thì Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong số các đơn vị này hoặc chỉ định một công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Để đảm bảo sự ổn định và tính kế thừa trong quá trình kiểm toán, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 chấp thuận: ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty giai đoạn 2023-2025; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

Rất mong Đại hội chấp thuận việc ủy quyền này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Như Hoàng Tuấn

TỜ TRÌNH

Thông qua chủ trương đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 tại Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/9/2007 và sửa đổi, bổ sung lần 11 ngày 04/11/2022.

1. Hiện trạng trụ sở của EVNPECC3

Trải qua chặng đường hơn 44 năm xây dựng và phát triển, EVNPECC3 đã không ngừng lớn mạnh, đến nay đã có đội ngũ khoảng 400 nhân sự. Trụ sở chính làm việc của EVNPECC3 hiện đang thuê tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay đã không đáp ứng đủ điều kiện làm việc cho các cán bộ nhân viên trong Công ty. Hiện trạng sử dụng tổng diện tích sàn xây dựng 4.791m² sau khi trừ đi các diện tích dùng chung (sảnh, cầu thang, phòng họp, kho lưu trữ hồ sơ...) còn lại diện tích phòng làm việc là 1.908m², bình quân 4,77m²/người (1.908m²/400 người). Ngoài ra, Hợp đồng thuê nhà có thời hạn 01 năm (ký lại hàng năm) với Công ty TNHH một thành viên Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh có rủi ro về khả năng gia hạn khi không đạt được thỏa thuận do chi phí ngày càng tăng tăng cao; việc chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp khi cần thiết gặp nhiều khó khăn về thủ tục khó đáp ứng được nhu cầu của Công ty.

2. Sự cần thiết đầu tư

Việc triển khai xây dựng trụ sở của EVNPECC3 tại TP.HCM là cần thiết, phù hợp với chủ trương và định hướng phát triển của EVNPECC3, nhằm: (i) đáp ứng chỗ làm việc ổn định lâu dài, tiện nghi và thuận tiện trong giao dịch các công việc liên quan của EVNPECC3; (ii) giúp nâng cao thương hiệu, vị thế và năng lực cạnh tranh của EVNPECC3 trên thương trường, tạo sức thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước; (iii) Tạo môi trường làm việc hiện đại cho đội ngũ CBCNV và thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng cao để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 mới được xây dựng trên khu đất có diện tích 2.382m² tại phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG248397 ngày 18/8/2006. Trụ sở mới sẽ đáp ứng chỗ làm việc cho 445 nhân sự và phù hợp với quy hoạch nguồn nhân lực của EVNPECC3.



3. Quy mô xây dựng trụ sở văn phòng làm việc

Trụ sở văn phòng làm việc bao gồm:

- Tòa nhà 09 tầng và 01 tầng hầm với diện tích đất xây dựng 890m² tổng diện tích sàn xây dựng 6.316m²; diện tích văn phòng làm việc: 2.450m² (sau khi trừ phần diện tích dùng chung và tầng hầm);

- Hệ thống hàng rào, cửa công;
- Hệ thống điện và cấp thoát nước và thông tin liên lạc;
- Hệ thống PCCC;
- Hệ thống đường giao thông nội bộ.

Tổng mức đầu tư sơ bộ: 136 tỷ đồng. Nguồn vốn thực hiện: 65% vốn tự có của EVNPECC3 (từ nguồn phân phối lợi nhuận hàng năm) và 35% vốn vay.

4. Tiến độ thực hiện dự kiến

- o Năm 2023-2024: Lập Dự án đầu tư, hồ sơ xin giấy phép xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán.
- o Năm 2025: Đấu thầu các gói thầu và khởi công dự án.
- o Năm 2026-2027: Thi công xây dựng.
- o Năm 2028: Hoàn thành dự án và đưa vào vận hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 các nội dung như sau:

1- Thông qua chủ trương đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của EVNPECC3 tại Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ lô đất số 8, khu trụ sở các ban ngành thuộc phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp nhu cầu làm việc và định hướng phát triển trong thời gian tới của EVNPECC3.

2- Giao Hội đồng quản trị EVNPECC3 xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm toàn diện theo quy định của pháp luật trong việc tổ chức triển khai thủ tục đầu tư dự án xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc tại địa chỉ lô đất số 8, khu trụ sở các ban ngành thuộc phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Nguyễn Như Hoàng Tuấn

TỜ TRÌNH

**Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung
và dự thảo Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/9/2007 và sửa đổi, bổ sung lần 11 ngày 04/11/2022;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó có yêu cầu rà soát đăng ký lại tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Căn cứ Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Phụ lục 1 - Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài);
- Căn cứ Nghị định 94/2017/NĐ-CP ngày 10/08/2017 của Chính phủ về hàng hoá, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại;
- Căn cứ Văn bản số 7185/UBCK-PTTT ngày 28/10/2022 của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3. Để đảm bảo tỉ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty ở mức 50% nhằm khuyến khích và tạo cơ hội huy động vốn đầu tư của nước ngoài trong tương lai.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023:

1- Thông qua việc điều chỉnh đối với 02 nội dung quy định về Người đại diện theo pháp luật và ngành nghề đăng ký kinh doanh trong Điều lệ của Công ty như sau:

a- Về Người đại diện theo pháp luật:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 2: Bổ sung nội dung Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong trường hợp chưa có Tổng giám đốc mà chỉ có Phó Tổng giám đốc thực hiện quyền Tổng giám đốc.

- Bổ sung điểm b và điểm c khoản 4 Điều 2: Hiệu chỉnh nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 12 và khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.



b- Về ngành nghề kinh doanh:

- Bổ sung điều kiện “trừ giám định tư pháp” đối với ngành nghề kinh doanh là “Giám định trong lĩnh vực xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp”.

- Bổ sung điều kiện “trừ xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội” đối với ngành nghề kinh doanh là “Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình điện, công trình dân dụng, công nghiệp, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn và cơ sở hạ tầng”.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung như theo Phụ lục và Dự thảo Điều lệ của EVNPECC3 đính kèm Tờ trình này.

2- Giao Người đại diện theo pháp luật ký ban hành Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12) và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để hoàn tất nội dung điều chỉnh chi tiết một số ngành nghề kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như đã nêu tại Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

Đính kèm:

- 1- Phụ lục: Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 2- Dự thảo Điều lệ Công ty (sửa đổi lần 12).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Nguyễn Như Hoàng Tuấn

PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

(Đính kèm Tờ trình số: **1.3.0**.../TTr-HĐQT-TVĐ3, ngày 21/6/2023)

Điều khoản	Điều lệ hiện hành (lần 11)	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty			
4. Người đại diện theo pháp luật:			
Khoản 4 Điều 2	<p><i>Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị.</i></p> <p>- Trường hợp Công ty có Tổng giám đốc thì Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật.</p> <p>- Trường hợp Công ty chưa có Tổng giám đốc thì Hội đồng quản trị có quyền quyết định giao Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật</p>	<p>a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp Công ty đã bổ nhiệm được Tổng giám đốc: Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.- Trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm được Tổng giám đốc mà chỉ có người thực hiện quyền Tổng giám đốc: Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và người thực hiện quyền Tổng giám đốc có chức danh cụ thể theo quy định của pháp luật. Trong đó, quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được quy định như sau:<ul style="list-style-type: none">+ <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị:</i> Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 26 Điều lệ này.+ <i>Quyền Tổng giám đốc:</i> Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc và có các quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan, trừ quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật do Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nêu trên. <p>b. Người đại diện pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ, quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ này và khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa lại điểm a khoản 4 Điều 2 nhằm phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.</p> <p>Bổ sung điểm b và c nhằm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 và khoản 2 Điều</p>



Điều khoản	Điều lệ hiện hành (lần 11)	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
	<i>trong thời gian chưa có Tổng giám đốc.</i>	c. Công ty đảm bảo luôn có ít nhất 01 (một) người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam.	13 Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều 3. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

Điểm o khoản 1 Điều 3	Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng; Các dịch vụ thí nghiệm tính chất cơ lý đất đá và vật liệu xây dựng; Giám định trong lĩnh vực xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp;	Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng; Các dịch vụ thí nghiệm tính chất cơ lý đất đá và vật liệu xây dựng; Giám định trong lĩnh vực xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp (<i>trừ giám định tư pháp</i>).	Để đảm bảo tỉ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty ở mức 50%, cần tuân thủ quy định tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Phụ lục 1 - Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài) và Nghị định 94/2017/NĐ-CP ngày 10/08/2017 về hàng hoá, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại.
Điểm t khoản 1 Điều 3	...Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình điện, công trình dân dụng, công nghiệp, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn và cơ sở hạ tầng...	...Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình điện, công trình dân dụng, công nghiệp, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn và cơ sở hạ tầng (<i>trừ xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội</i>)...;	

TỜ TRÌNH

Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của EVNPECC3

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (điểm c khoản 3 Điều 144);

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (khoản 3 Điều 273).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023:

1- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (lần ban hành: 05) như sau:

(i) Áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (theo khoản 4 và khoản 5 Điều 2 mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

(ii) Hội đồng quản trị căn cứ tình hình, điều kiện thực tế quyết định lựa chọn phương thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết theo Phụ lục và Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của EVNPECC3 đính kèm.

2- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (lần ban hành: 05).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

Đính kèm:

- 1- Phụ lục: Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- 2- Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi lần 05).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Như Hoàng Tuấn

PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số: **1.3.1**.../TTTr-HĐQT-TVĐ3, ngày 21/6/2023)

Điều khoản	Quy chế nội bộ về quản trị (hiện hành)	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông			
Khoản 2 Điều 2	Bổ sung thêm trong Điều 2 nội dung sau:	HĐQT được phép căn cứ tình hình, điều kiện thực tế quyết định lựa chọn phương thức tổ chức họp ĐHĐCĐ phù hợp.	
Khoản 4 Điều 2	Công ty chưa áp dụng họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.	<p>Trình bày cơ cấu lại Điều 2, cụ thể bỏ nội dung hiện hành tại khoản 4 ("<i>Công ty chưa áp dụng họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</i>") và bổ sung vào Điều 2 thêm 02 khoản sau:</p> <p>3.3 Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</p> <p>3.4 Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</p> <p>Theo đó các nội dung chi tiết của 02 điều khoản trên bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông d) Điều kiện tiến hành e) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông f) Cách thức bỏ phiếu 	<p>Bổ sung khoản 3.3 và khoản 3.4 Điều 2 theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 2 mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>



Điều khoản	Quy chế nội bộ về quản trị (hiện hành)	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
		g) Cách thức kiểm phiếu h) Thông báo kết quả kiểm phiếu i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông <i>(Nội dung chi tiết theo bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị đính kèm)</i>	





CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

Digitally signed by
Nguyễn Văn Long
Date: 2023-03-02 09:50:
43

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 35

325 / C
ÁNH
CH
125 /

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Lạc Thái Phước	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trần Quốc Điền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trần Lê Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Võ Văn Phương	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lạc Thái Phước	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2022) làm Quyền Tổng Giám đốc từ ngày 24 tháng 6 năm 2022
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 8 năm 2022)
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 9 năm 2022)
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)

Ban kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn đã ủy quyền cho Ông Lạc Thái Phước ký Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 4418/GUQ-TVĐ3 ngày 29 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lạc Thái Phước
Quyền Tổng Giám đốc
Theo Giấy ủy quyền số 4418/GUQ-TVĐ3
ngày 29 tháng 12 năm 2022

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Số: 016/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 31, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về các khoản nợ tiềm tàng của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiên

Giám đốc Chi nhánh

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2023

Nguyễn Ngọc Thạch

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1

1/1
1/1
1/1
1/1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		153.815.229.889	207.663.131.412
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.305.776.510	35.993.379.842
1. Tiền	111		10.305.776.510	10.993.379.842
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	220.790.000	4.220.790.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.394.593.134	145.823.027.905
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	133.452.180.500	166.140.510.254
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.393.891.800	2.150.347.853
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.869.647.268	1.848.543.027
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(30.321.126.434)	(24.316.373.229)
IV. Hàng tồn kho	140	9	26.546.339.757	21.144.383.118
1. Hàng tồn kho	141		26.546.339.757	21.144.383.118
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.347.730.488	481.550.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	571.254.608	481.550.547
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	776.475.880	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.646.141.003	120.525.215.082
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		42.311.651.884	43.292.927.499
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	41.828.651.884	42.809.927.499
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	483.000.000	483.000.000
II. Tài sản cố định	220		17.003.447.583	19.863.262.617
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.409.174.876	10.432.712.360
- Nguyên giá	222		57.104.975.261	56.746.976.003
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.695.800.385)	(46.314.263.643)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	8.594.272.707	9.430.550.257
- Nguyên giá	228		20.880.885.526	20.880.885.526
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.286.612.819)	(11.450.335.269)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		291.600.000	162.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		291.600.000	162.000.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	53.150.000.000	53.150.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53.150.000.000	53.150.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.889.441.536	4.057.024.966
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.734.144.184	3.901.727.614
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		155.297.352	155.297.352
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		269.461.370.892	328.188.346.494

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		127.412.651.562	203.299.350.197
I. Nợ ngắn hạn	310		127.412.651.562	203.299.350.197
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	5.022.638.285	9.072.136.593
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	24.302.895.409	32.077.217.431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.619.392.482	13.510.491.000
4. Phải trả người lao động	314		44.052.600.489	103.105.120.132
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.358.875.181	3.134.538.827
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	20.915.441.921	22.051.446.536
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	21.526.484.688	17.400.276.571
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.614.323.107	2.948.123.107
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.048.719.330	124.888.996.297
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	142.048.719.330	124.888.996.297
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.173.030.000	82.760.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.173.030.000	82.760.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.116.000.000	19.072.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.759.829.330	23.056.336.297
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		1.874.106.297	2.910.513.621
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		19.885.723.033	20.145.822.676
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		269.461.370.892	328.188.346.494



Lạc Thái Phước
Quyền Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		251.241.254.893		316.338.431.189	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		4.136.813.513	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	251.241.254.893		312.201.617.676	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	157.450.682.211		216.461.702.077	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		93.790.572.682		95.739.915.599	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.985.457.089		827.291.292	
7. Chi phí tài chính	22	25	747.915.038		(561.774.850)	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		505.951.005		383.929.396	
8. Chi phí bán hàng	25	26	22.034.324.598		18.930.195.747	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	54.790.103.937		54.184.391.485	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		23.203.686.198		24.014.394.509	
11. Thu nhập khác	31		1.305.558.552		1.284.115.017	
12. Chi phí khác	32		906.358.055		107.378.103	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		399.200.497		1.176.736.914	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.602.886.695		25.191.131.423	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.717.163.662		5.045.308.747	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		19.885.723.033		20.145.822.676	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.880		1.830	



Lạc Thái Phước
Quyền Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.602.886.695	25.191.131.423
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.586.968.695	8.286.181.492
- Các khoản dự phòng	03	6.004.753.205	8.180.683.163
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.498.150	78.672.693
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.852.876.718)	(1.296.393.407)
- Chi phí lãi vay	06	505.951.005	383.929.396
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.859.181.032	40.824.204.760
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	30.825.033.624	(35.638.105.555)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.401.956.639)	(1.211.645.331)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(77.070.528.922)	(21.299.640.130)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.077.879.369	864.671.907
- Tiền lãi vay đã trả	14	(505.951.005)	(383.929.396)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.104.531.314)	(2.388.625.485)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.059.800.000)	(1.510.310.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.380.673.855)	(20.743.379.230)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(856.753.661)	(968.612.750)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	795.021.053	-
3. Tiền chi cho vay	23	-	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	4.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(22.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	480.855.750
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.889.998.940	707.783.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.828.266.332	(26.279.973.499)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	40.952.504.106	35.587.795.643
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.826.295.989)	(18.187.519.072)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(258.332.400)	(8.039.443.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.867.875.717	9.360.833.571
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(18.684.531.806)	(37.662.519.158)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35.993.379.842	73.721.708.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.071.526)	(65.809.136)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	17.305.776.510	35.993.379.842



Lạc Thái Phước
Quyền Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 13 ngày 21 tháng 11 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là: 95.173.030.000 VND chia thành 9.517.303 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 01/12/2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV3.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 449 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 466 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập qui hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện- nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu-đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

1025
C
HÀNH
ÁCH
THAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

468
HINH
PHO
DOR
NH
TIEN
VA
VH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

16.
HÁ
HỒ
G
M
TC
C
T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

002
NH
CHỈ
Y
HỮU
ẤN
O
P.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bên liên quan

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty TNHH VP INVEST
Ông Trần Quốc Điền
Các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn
Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cùng tập đoàn
Quản lý chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	73.758.335	255.109.452
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.232.018.175	10.738.270.390
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	25.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>25.000.000.000</i>
Cộng	17.305.776.510	35.993.379.842



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
a) Chứng khoán kinh doanh				
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i)	220.790.000	1.206.365.400	-	220.790.000
	220.790.000	1.206.365.400	-	220.790.000
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	-	-	-	4.000.000.000
	-	-	-	4.000.000.000
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii)	53.150.000.000	6.300.000.000	-	53.150.000.000
	3.150.000.000	(*)	-	3.150.000.000
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iii)	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Cộng	53.370.790.000	6.300.000.000	-	57.370.790.000
				6.772.500.000
				(*)
				1.214.372.250
				1.214.372.250

Ghi chú:

- (i) Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (ii) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu, tỷ lệ góp là 0,86% tổng vốn điều lệ. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (iii) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có Vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 10% tổng vốn điều lệ.
- (*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên, một số khoản đầu tư vào đơn vị khác chưa niêm yết và hiện chưa có thông tin hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Ngắn hạn	133.452.180.500	166.140.510.254
a1) Bên liên quan	100.113.710.002	123.033.559.842
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	29.161.187.150	34.907.017.043
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	19.377.919.364	19.362.549.364
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	10.484.654.371	10.122.149.335
Ban QLDA Truyền Tải Điện (NPTPNB)	9.122.042.237	16.153.500.900
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	8.837.969.155	4.495.485.171
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	7.356.197.179	6.201.215.192
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	4.609.593.932	11.362.235.762
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	4.570.954.543	4.079.161.665
Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	1.316.581.938	2.185.250.000
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	1.105.318.638	-
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	906.644.869	1.804.012.252
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	770.428.746	1.010.242.046
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	664.727.120	-
Ban QLDA nhiệt điện 3	427.759.528	180.000.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	383.944.895	-
Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	379.932.724	308.244.702
Công ty Phát triển thủy điện Sê San	297.490.909	358.582.400
Công ty Truyền tải điện 3 - Truyền tải điện Bình Định	178.282.188	-
Ban Quản lý dự án Điện 2	159.138.000	1.941.690.755
Công ty Điện Lực Sài Gòn	2.942.516	5.460.013
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	-	2.949.883.454
Ban QLDA nhiệt điện 2	-	2.418.828.407
Ban QLDA thủy điện 1	-	1.244.364.245
Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	-	625.520.920
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	-	369.936.800
Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	-	246.000.000
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	-	238.590.000
Công ty Truyền tải điện 3 - Truyền tải điện ĐắkNông	-	205.902.125
Ban quản lý dự án Truyền tải điện	-	109.939.000
Ban Quản lý dự án Điện 3	-	104.640.000
Điện lực Trung tâm Nha Trang	-	43.158.291
a2) Đối tượng khác	33.338.470.498	43.106.950.412
Khác	33.338.470.498	43.106.950.412

856
NH
ƯỠI
NG
HIỆ
MT
A
1-3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
b) Dài hạn	41.828.651.884	42.809.927.499
b1) Bên liên quan	30.664.595.658	36.366.825.865
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	10.965.966.747	10.697.460.367
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	7.469.484.625	15.379.460.683
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	4.012.476.975	3.389.727.752
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	2.178.912.544	2.056.099.362
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.408.264.447	1.408.264.447
Ban QLDA Truyền Tải Điện (NPTPNB)	1.820.526.204	824.553.213
Ban Quản lý dự án Điện 2	702.180.988	375.093.000
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	412.792.570	412.792.570
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	258.837.962	-
Ban QLDA Lưới Điện miền Nam	217.540.795	186.028.683
Công ty Điện lực Cà Mau	197.286.504	197.286.504
Ban QLDA Phát triển Điện Lực	190.915.455	190.915.455
Công ty CP thủy điện La Ngâu	160.318.500	160.318.500
Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	115.260.000	115.260.000
CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia - Công ty Truyền tải Điện 4	114.180.300	152.335.116
Ban QLDA nhiệt điện 3	93.059.450	93.059.450
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	91.060.984	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	62.776.797	31.147.917
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	41.335.569	41.335.569
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	11.571.856	16.349.189
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	-	253.887.023
Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	-	113.794.679
Công ty CP Thủy điện miền Trung	-	70.450.000
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	-	33.200.000
Công ty thủy điện Đồng Nai	-	28.160.000
b2) Đối tượng khác	11.164.056.226	6.443.101.634
Khác	11.164.056.226	6.443.101.634
Cộng	175.280.832.384	208.950.437.753

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.869.647.268	1.848.543.027
Tạm ứng cho nhân viên	2.999.744.487	1.156.980.612
Khác	869.902.781	691.562.415
b) Dài hạn	483.000.000	483.000.000
Ký quỹ, ký cược	483.000.000	483.000.000
Cộng	4.352.647.268	2.331.543.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Bên liên quan	20.206.123.772	6.091.895.819	21.679.784.480	9.184.199.648
Ban Quản lý Dự án Thủy điện sông Bung 2	19.377.919.364	6.091.895.819	18.048.670.314	9.024.335.157
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 2	-	-	2.418.828.407	-
Các bên liên quan khác	828.204.408	-	1.212.285.759	159.864.491
b) Các đối tượng khác	25.559.542.122	9.352.643.641	15.199.996.320	3.379.207.923
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	-	5.100.415.846	-
Các khách hàng khác	20.459.126.276	9.352.643.641	10.099.580.474	3.379.207.923
Cộng	45.765.665.894	15.444.539.460	36.879.780.800	12.563.407.571
				(6.720.372.551)
				(24.316.373.229)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	96.900.759	-	147.608.070	-
Công cụ, dụng cụ	1.782.508	-	5.157.008	-
Chi phí SXKD dở dang	26.447.656.490	-	20.991.618.040	-
Cộng	26.546.339.757	-	21.144.383.118	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	571.254.608	481.550.547
Công cụ dụng cụ xuất dùng	45.365.102	147.968.269
Chi phí phần mềm	525.889.506	333.582.278
b) Dài hạn	2.734.144.184	3.901.727.614
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.340.003.920	2.692.683.162
Chi phí phần mềm	394.140.264	1.209.044.452
Cộng	3.305.398.792	4.383.278.161



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

11. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	13.196.031.024	17.758.490.103	17.493.444.426	8.299.010.450	56.746.976.003
- Mua trong năm	-	535.503.661	-	191.650.000	727.153.661
- Thanh lý, nhượng bán	-	(84.781.673)	-	(284.372.730)	(369.154.403)
Số dư cuối năm	13.196.031.024	18.209.212.091	17.493.444.426	8.206.287.720	57.104.975.261
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	8.995.224.465	14.494.951.321	15.569.099.449	7.254.988.408	46.314.263.643
- Khấu hao trong năm	674.209.488	1.148.992.342	481.147.005	446.342.310	2.750.691.145
- Thanh lý, nhượng bán	-	(84.781.673)	-	(284.372.730)	(369.154.403)
Số dư cuối năm	9.669.433.953	15.559.161.990	16.050.246.454	7.416.957.988	48.695.800.385
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	4.200.806.559	3.263.538.782	1.924.344.977	1.044.022.042	10.432.712.360
Tại ngày cuối năm	3.526.597.071	2.650.050.101	1.443.197.972	789.329.732	8.409.174.876

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23.211.151.560 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 22.663.982.872 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm		Tổng cộng
	Quyền sử dụng đất	máy tính	
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	<u>10.257.146.572</u>	<u>10.623.738.954</u>	<u>20.880.885.526</u>
Số dư cuối năm	<u>10.257.146.572</u>	<u>10.623.738.954</u>	<u>20.880.885.526</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	<u>1.861.840.869</u>	<u>9.588.494.400</u>	<u>11.450.335.269</u>
- Khấu hao trong năm	172.446.096	663.831.454	836.277.550
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>2.034.286.965</u>	<u>10.252.325.854</u>	<u>12.286.612.819</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>8.395.305.703</u>	<u>1.035.244.554</u>	<u>9.430.550.257</u>
Tại ngày cuối năm	<u>8.222.859.607</u>	<u>371.413.100</u>	<u>8.594.272.707</u>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.110.614.204 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6.291.360.637 VND).

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại Quận 2 – Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.636.366.295 VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 17).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan	-	-	<u>33.942.095</u>	<u>33.942.095</u>
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	-	-	33.942.095	33.942.095
b) Đối tượng khác	<u>5.022.638.285</u>	<u>5.022.638.285</u>	<u>9.038.194.498</u>	<u>9.038.194.498</u>
Công ty CP xây lắp điện 1	-	-	3.298.900.000	3.298.900.000
Khác	5.022.638.285	5.022.638.285	5.739.294.498	5.739.294.498
Cộng	<u>5.022.638.285</u>	<u>5.022.638.285</u>	<u>9.072.136.593</u>	<u>9.072.136.593</u>

68!
H N
PHỐ
C N
NH
IÊN
V P
V H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số đầu năm	
	Số cuối năm	(Trình bày lại)
	VND	VND
a) Bên liên quan	21.033.499.372	26.905.205.073
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	6.292.089.514	7.170.478.992
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	3.926.259.367	5.211.741.382
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	3.804.770.490	4.757.075.715
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	1.946.246.000	1.946.246.000
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPMB)	1.112.231.200	596.292.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.061.368.513	1.499.745.640
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	823.000.000	823.000.000
Ban QLDA lưới điện TP. Hồ Chí Minh	515.371.971	515.371.971
Ban Quản lý dự án Điện 3	470.625.000	470.625.000
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	437.500.000	691.500.000
Ban QLDA nhiệt điện 3	321.068.834	445.056.834
CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia - Công ty Truyền tải Điện 4	190.445.250	228.600.066
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	92.161.685	450.101.685
Ban Quản lý dự án Điện 2	40.361.548	40.361.548
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	-	1.687.600.000
Công ty TNHH MTV NMTĐ Thác Ba	-	246.868.800
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực VN	-	100.438.263
Ban QLDA nhiệt điện 2	-	24.101.177
b) Đối tượng khác	3.269.396.037	5.172.012.358
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	2.578.411.132
Viện Năng Lượng	-	226.087.750
Khác	3.269.396.037	2.367.513.476
Cộng	24.302.895.409	32.077.217.431

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu	-	-	(776.475.880)	776.475.880
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(776.475.880)	776.475.880
Cộng	-	-	(776.475.880)	776.475.880
b) Phải nộp	9.807.352.558	13.229.661.605	(19.498.704.123)	3.538.310.040
Thuế giá trị gia tăng	9.807.352.558	13.229.661.605	(19.498.704.123)	3.538.310.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.610.891.772	3.717.163.662	(7.328.055.434)	-
Thuế thu nhập cá nhân	92.246.670	7.981.338.478	(7.992.502.706)	81.082.442
Các loại thuế, phí khác	-	184.519.759	(184.519.759)	-
Cộng	13.510.491.000	25.112.683.504	(35.003.782.022)	3.619.392.482

6-Đ
HÀNH
HỒ SƠ
ĐT
MH
TOÁN
C
T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	596.358.900	1.153.253.260
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	536.622.218	94.682.599
Phải trả cổ tức cho cổ đông	803.029.875	1.061.362.275
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN	10.830.210.437	9.170.919.419
Chi phí công trình phải trả	7.285.015.811	6.684.903.513
Khác	864.204.680	3.886.325.470
Cộng	20.915.441.921	22.051.446.536

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (i)	9.295.467.231	9.295.467.231	15.650.500.447	(18.331.327.955)	6.614.639.723	6.614.639.723
Cán bộ công nhân viên (ii)	8.104.809.340	8.104.809.340	25.302.003.659	(18.494.968.034)	14.911.844.965	14.911.844.965
Cộng	17.400.276.571	17.400.276.571	40.952.504.106	(36.826.295.989)	21.526.484.688	21.526.484.688

Ghi chú:

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay là 6,3%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Quận 2 – Thửa đất số 143.

(ii) Đây là khoản vay lại cán bộ công nhân viên từ khoản tiền lương đã được duyệt chi. Công ty và các phòng ban đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chi trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 31 tháng 3 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	82.760.800.000	(140.000)	13.186.000.000	19.708.579.621	115.655.239.621
- Lãi trong năm	-	-	-	20.145.822.676	20.145.822.676
- Chia lợi nhuận	-	-	-	(8.276.066.000)	(8.276.066.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành	-	-	-	(2.636.000.000)	(2.636.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	5.886.000.000	(5.886.000.000)	-
Số dư đầu năm nay	82.760.800.000	(140.000)	19.072.000.000	23.056.336.297	124.888.996.297
- Lãi trong năm	-	-	-	19.885.723.033	19.885.723.033
- Chia lợi nhuận (i)	12.412.230.000	-	-	(12.412.230.000)	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành (ii)	-	-	-	(2.726.000.000)	(2.726.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển (ii)	-	-	6.044.000.000	(6.044.000.000)	-
Số dư cuối năm nay	95.173.030.000	(140.000)	25.116.000.000	21.759.829.330	142.048.719.330

Ghi chú:

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 120/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 6 năm 2022 đã thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 bằng cổ phiếu. Ngày 07 tháng 10 năm 2022, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ phát hành là 15%, tỷ lệ thực hiện quyền 20:3.
- (ii) Công ty thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành và Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 120/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 6 năm 2022.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.517.303	8.276.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.517.303	8.276.080
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.517.303	8.276.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.517.289	8.276.066
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.517.289	8.276.066
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	46.427.040.000	48,78%	40.371.340.000	48,78%
Công ty TNHH VP INVEST	11.904.800.000	12,51%	-	0,00%
Ông Trần Quốc Điền	5.335.500.000	5,61%	4.232.000.000	5,11%
Cổ đông khác	31.505.550.000	33,10%	38.157.320.000	46,11%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,00%	140.000	0,00%
Tổng cộng	95.173.030.000	100,00%	82.760.800.000	100,00%

Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 258.332.400 VND (năm trước là 8.039.443.000 VND).

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	10.005,58	260.688,38
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	2.029,40	2.719,96

20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	251.241.254.893	316.338.431.189
Cộng	251.241.254.893	316.338.431.189
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	4.136.813.513
Giảm giá dịch vụ	-	4.136.813.513
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	251.241.254.893	312.201.617.676
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan	178.398.774.129	201.211.168.888
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	70.636.508.284	84.289.663.030
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	40.230.790.192	35.301.234.203
Ban QLDA Truyền tải điện	15.072.178.620	19.682.966.418
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH - Ban QL Dự án Điện lực miền Nam	14.752.914.057	4.107.878.221
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	12.684.504.260	18.254.007.811
Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận Đa Mi	5.625.672.705	10.464.070.006
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH - Ban QL Dự án Lưới điện miền Nam	2.208.307.642	3.248.381.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan (Tiếp theo)</i>		
Ban QLDA Nhiệt điện 3	1.889.212.692	2.055.930.783
Công ty Thủy điện An Khê-Ka Nak	1.625.409.800	2.781.981.874
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	1.580.520.423	727.494.576
Ban QLDA Điện 2 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.397.642.545	1.765.173.415
Ban QLDA Lưới điện miền Trung	1.392.227.372	279.203.321
Công ty Thủy điện Trị An	1.368.637.864	-
Ban QLDA Lưới điện TP HCM	1.137.159.093	1.274.803.944
Công ty cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ	1.051.800.000	420.382.727
Ban QLDA Trung Tâm Điện Lực Ô Môn	976.200.000	116.992.218
Công ty thủy điện Buôn Kuốp	763.424.993	1.474.204.545
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1	750.905.211	918.401.860
Công ty Điện lực Cà Mau	687.173.280	1.318.846.397
Tập đoàn điện lực Việt Nam - Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	635.000.000	935.600.000
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn	444.500.000	-
Công ty Phát triển thủy điện Sê San - CN Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	406.997.545	968.711.273
Công ty Thủy điện Sông Bung	307.102.951	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	196.837.500	327.272.727
Công ty Truyền tải điện Bình Định	165.076.100	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	87.272.727	203.636.364
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN Tổng Công ty Phát Điện 1	86.720.533	-
Công ty Điện lực Sài Gòn	75.220.268	84.371.941
Công ty Truyền tải Điện 3	66.377.798	677.172.168
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	54.538.980	-
Công ty Điện lực Bà Rịa Vũng Tàu	49.707.870	-
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	39.771.402	55.709.290
Công ty Truyền tải điện 1	1.019.079	-
Tổng Công ty Phát Điện 1 (Ban QLDA Nhiệt điện 2)	(1.352.270)	-
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	(47.205.387)	-
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	-	3.118.638.238
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	-	2.008.397.795
Ban QLDA Điện 3 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	1.182.941.072
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	-	1.047.818.182
Công ty Thủy điện Đồng Nai	-	859.579.191
Công ty Điện lực Bình Phước	-	389.340.000
Công ty Truyền tải điện Đắk Nông	-	311.605.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	-	141.641.811
Công ty Truyền tải điện Bình Thuận	-	116.801.300
Công ty thủy điện Italy	-	97.940.525
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	-	82.981.750
Công ty Truyền tải Điện 4	-	64.765.201
Công ty Truyền tải điện Gia Lai	-	54.627.591

385
1 NI
HỒ
ÔN
HỒ
ẾM
JA
/H.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế	157.450.682.211	216.461.702.077
Cộng	<u>157.450.682.211</u>	<u>216.461.702.077</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	544.456.766	9.827.170.078
Chi phí nhân công	120.071.666.763	164.683.306.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.586.968.695	8.286.181.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.850.766.228	66.091.872.507
Chi phí khác	83.672.537.539	41.938.155.403
Cộng	<u>233.726.395.991</u>	<u>290.826.686.257</u>

24. DOANH THU TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	259.753.418	283.132.851
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.593.123.300	400.406.400
Lãi chuyển nhượng vốn góp	-	69.144.250
Lãi chênh lệch tỷ giá	132.580.371	74.607.791
Cộng	<u>6.985.457.089</u>	<u>827.291.292</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	505.951.005	383.929.396
Chi phí bảo lãnh	217.216.915	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(1.138.939.289)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	24.747.118	193.235.043
Cộng	<u>747.915.038</u>	<u>(561.774.850)</u>

S-Đ
IÁN
IỐC
ET
M+
TOU
C
T.V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	4.042.391.833	4.593.680.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.262.764.005	8.273.391.548
Các khoản chi phí khác	13.729.168.760	6.063.123.603
Cộng	22.034.324.598	18.930.195.747
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	18.188.192.783	15.297.287.963
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.318.327.539	2.602.469.753
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	6.004.753.205	9.324.424.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.895.757.243	9.520.922.394
Các khoản chi phí khác	16.383.073.167	17.439.287.147
Cộng	54.790.103.937	54.184.391.485

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.602.886.695	25.191.131.423
Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế	382.991.966	591.742.420
Thù lao HĐQT không chuyên trách	108.000.000	144.000.000
Tiền chậm nộp thuế	106.859.098	-
Loại trừ hóa đơn hết giá trị sử dụng năm 2020	156.634.718	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm nay	11.498.150	78.672.693
Chi phí không được trừ	-	369.069.727
Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế	(6.671.795.993)	(583.672.245)
Lợi nhuận cốt lõi được chia	(6.593.123.300)	(400.406.400)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm trước	(78.672.693)	(183.265.845)
Thu nhập chịu thuế	17.314.082.668	25.199.201.598
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.462.816.534	5.039.840.320
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước nộp bổ sung	254.347.128	5.468.427
Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.717.163.662	5.045.308.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	19.885.723.033	20.145.822.676
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	1.988.572.303	2.726.000.000
Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.897.150.730	17.419.822.676
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.517.289	9.517.289
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.880	1.830
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 120/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 6 năm 2022, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và Ban Điều hành từ lợi nhuận năm 2021 với giá trị 2.726.000.000 VND. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2021 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 2.191 VND/Cổ phiếu).

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là số tạm tính dựa trên 10% Lợi nhuận sau thuế năm 2022, được căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 120/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 6 năm 2022.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	21.526.484.688	17.400.276.571
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(17.305.776.510)	(35.993.379.842)
Nợ thuần	4.220.708.178	-
Vốn chủ sở hữu	142.048.719.330	124.888.996.297
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,03	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.305.776.510	17.305.776.510	35.993.379.842	35.993.379.842
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.150.735.165	176.150.735.165	209.603.000.168	209.603.000.168
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	1.206.365.400	4.220.790.000	5.214.372.250
Các khoản ký quỹ	483.000.000	483.000.000	522.000.000	522.000.000
Tổng cộng	194.160.301.675	195.145.877.075	250.339.170.010	251.332.752.260
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	21.526.484.688	21.526.484.688	17.400.276.571	17.400.276.571
Phải trả người bán và phải trả khác	24.805.099.088	24.805.099.088	29.875.647.270	29.875.647.270
Chi phí phải trả	3.358.875.181	3.358.875.181	3.134.538.827	3.134.538.827
Tổng cộng	49.690.458.957	49.690.458.957	50.410.462.668	50.410.462.668

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

102
HÀNH
ÁCH
THA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.305.776.510	-	-	17.305.776.510
Phải thu khách hàng và phải thu khác	133.340.807.666	42.809.927.499	-	176.150.735.165
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	-	483.000.000	-	483.000.000
Tổng cộng	150.867.374.176	43.292.927.499	-	194.160.301.675
Số cuối năm				
Các khoản vay	21.526.484.688	-	-	21.526.484.688
Phải trả người bán và phải trả khác	24.805.099.088	-	-	24.805.099.088
Chi phí phải trả	3.358.875.181	-	-	3.358.875.181
Tổng cộng	49.690.458.957	-	-	49.690.458.957
Chênh lệch thanh khoản thuần	101.176.915.219	43.292.927.499	-	144.469.842.718
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.993.379.842	-	-	35.993.379.842
Phải thu khách hàng và phải thu khác	155.871.601.717	53.731.398.451	-	209.603.000.168
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.220.790.000	-	-	4.220.790.000
Các khoản ký quỹ	-	522.000.000	-	522.000.000
Tổng cộng	196.085.771.559	54.253.398.451	-	250.339.170.010
Số đầu năm				
Các khoản vay	17.400.276.571	-	-	17.400.276.571
Phải trả người bán và phải trả khác	29.875.647.270	-	-	29.875.647.270
Chi phí phải trả	3.134.538.827	-	-	3.134.538.827
Tổng cộng	50.410.462.668	-	-	50.410.462.668
Chênh lệch thanh khoản thuần	145.675.308.891	54.253.398.451	-	199.928.707.342

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

A68
 PHÍ
 CỐN
 NH
 KIẾP
 V
 NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 06, 08, 13, 14, 18 và 21; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	33.942.095	563.542.095
Cộng	33.942.095	563.542.095
Chi trả cổ tức		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	4.037.134.000
Cộng	-	4.037.134.000

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	(Trình bày lại) VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị		537.960.000	776.960.000
Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch	214.980.000	528.960.000
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch	214.980.000	-
Ông Võ Văn Phương	Thành viên	36.000.000	-
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên	36.000.000	131.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên	36.000.000	116.600.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		4.149.108.473	4.048.157.309
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	207.180.000	493.560.000
Ông Lạc Thái Phước	Quyền Tổng Giám đốc	484.150.000	-
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.116.729.600	1.324.767.750
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc	869.791.000	1.290.549.201
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc	1.222.789.873	450.100.358
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc	248.468.000	-
Ông Nguyễn Duy Bình	Phó Tổng Giám đốc	-	172.840.000
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc	-	316.340.000
Thu nhập của Ban kiểm soát		1.002.817.797	966.548.982
Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban kiểm soát	383.160.000	430.660.000
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên	72.000.000	95.600.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên	547.657.797	440.288.982
Cộng		5.689.886.270	5.791.666.291

31. NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22/9/2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty, do đó Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)

Vào tháng 6 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 49A/TB-TA ngày 28/6/2021 trong đó điều chỉnh số tiền yêu cầu các Nhà thầu tư vấn phải liên đới bồi hoàn từ 6.516.225.000 VND thành 14.871.605.885 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 16/12/2021 trong đó tiếp tục khẳng định quan điểm sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & PECC3, do vậy PECC3 không phải chịu trách nhiệm đối với đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, trong văn bản này Công ty đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của PECC3 và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của PECC3 (nếu có).

Ngày 02/11/2022, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh (KHIDI) cũng đã có bản giải trình gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó KHIDI đề nghị Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện và bác bỏ các yêu cầu không có cơ sở pháp lý của Nguyên đơn.

Trong năm 2022, Công ty cũng nhận được Thông báo số 39/2022/TLBS của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 11/7/2022 về việc thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện trong đó Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4-CTCP kiện PECC3 và Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô liên đới bồi thường giá trị còn lại của các thiết bị, xe máy tại thời điểm cuốn trôi trong sự cố vỡ Hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 với số tiền là 6.595.720.000 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh bản ý kiến vào ngày 26/7/2022 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và loại bỏ trách nhiệm của Công ty đối với đền bù thiệt hại. Bản tự khai nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & Công ty, do vậy Công ty không phải chịu trách nhiệm đối với đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra Công ty cũng đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của Công ty và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của Công ty (nếu có).

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê nhà tại Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 126/PLHĐ-QLKDN-KD ngày 12/4/2021 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP. HCM. Thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 457.000.000 VND/tháng, tiền thuê được trả hàng quý.

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	5.484.000.000	5.484.000.000
Cộng	5.484.000.000	5.484.000.000

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu thanh lý tài sản cố định trong năm bao gồm 795.021.053 VND là số tiền phải thu trong năm trước đã thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 7.777.778 VND là số tiền lãi phải thu trong năm mà chưa thu được, nhưng đã bao gồm 44.900.000 VND là số tiền lãi phải thu năm trước đã thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm bao gồm 258.332.400 VND là số cổ tức các năm trước được chi trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lạc Thái Phước
Quyền Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu



TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
(Sửa đổi lần 12)

DỰ THẢO

TP. HCM, ngày tháng năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ	7
VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty.....	7
Chương III. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 3. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	10
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	10
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 9. Thu hồi cổ phần	12
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	12
Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	13
Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông	13
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 15. Các đại diện theo uỷ quyền.....	17
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	19
Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội cổ đông	20
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	29
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	32
Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	33
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 29. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Công ty.	37
Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	37
Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý	37
Điều 31. Người điều hành Công ty.....	38
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.	38
Chương IX. THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH.....	40
Điều 33. Thẩm quyền đối với hợp đồng, giao dịch.....	40
Chương X. BAN KIỂM SOÁT.....	41
Điều 34. Thành phần Ban kiểm soát.	41
Điều 35. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	42
Chương XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	45
KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	45
Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	45
Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	46
Chương XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	47
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	47
Chương XIII. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI	48
Điều 39. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp	48
Chương XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	48
Điều 40. Phân phối lợi nhuận	48
Chương XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	49
Điều 41. Tài khoản ngân hàng.....	49
Điều 42. Năm tài chính.....	49
Điều 43. Chế độ kế toán	49
Chương XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	49
Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý.....	49

Điều 45. Báo cáo thường niên	50
Chương XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	50
Điều 46. Kiểm toán.....	50
Chương XVIII. DẤU CỦA CÔNG TY.....	51
Điều 47. Dấu của Công ty	51
Chương XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	51
Điều 48. Chấm dứt hoạt động.....	51
Điều 49. Thanh lý	51
Chương XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	52
Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	52
Chương XXI. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC	53
Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	53
Điều 52. Ngày hiệu lực.....	53

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), là một Công ty được thành lập do cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 386/QĐ-BCN ngày 23/2/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc thành lập Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 và được hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ lần 12 này được sửa đổi, bổ sung và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 6 năm 2023 theo Điều... của Nghị quyết số..... /NQ-TVĐ3-ĐHĐCĐ.

Bản Điều lệ này gồm những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chương I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

- Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:
 - "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Điều lệ này;
 - "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
 - "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Ngày này phân biệt với ngày truyền thống 13 tháng 2 hàng năm của Công ty.
 - "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
 - "Vốn có quyền biểu quyết" là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - "Cổ đông" là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần đã phát hành của công ty cổ phần;
 - "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - "Hội đồng quản trị" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
 - "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện:
 - Người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của luật Doanh nghiệp.

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- k. "Người quản lý công ty" bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- l. "Người điều hành công ty" là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- m. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
- n. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;
- o. "Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông công ty là tổ chức" phải là người được cổ đông uỷ quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình tại công ty theo *tiêu chuẩn, điều kiện và trách nhiệm* được quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật Doanh nghiệp;
- p. Một Công ty được coi là Công ty mẹ của Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty;
 - Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị;
 - Có quyền quyết định trong việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.
- q. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của công ty được quy định tại khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này;
- r. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
- s. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Khi sử dụng Điều lệ này, tùy theo ngữ cảnh mà từ “người” được hiểu là cá nhân và/hoặc tổ chức.
5. Các từ, cụm từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II.
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ
VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3.**
 - Tên tiếng Anh: **POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 3.**
 - Tên viết tắt: **PECC3.**
2. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: +(84) 28.22211169
 - Fax: (+84) 28.39307938
 - E-mail: pecc3@pecc3.com.vn
 - Website: www.pecc3.com.vn
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
 - Trường hợp Công ty đã bổ nhiệm được Tổng Giám đốc: Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.
 - Trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm được Tổng Giám đốc mà chỉ có người thực hiện quyền Tổng Giám đốc: Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và người thực hiện quyền Tổng Giám đốc có chức danh cụ thể theo quy định của pháp luật. Trong đó, quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được quy định như sau:
 - + *Chủ tịch Hội đồng quản trị*: Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

- + *Quyền Tổng Giám đốc*: Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc và có các quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan, trừ quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật do Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nêu trên.
- b. Người đại diện pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ, quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ này và khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.
- c. Công ty đảm bảo luôn có ít nhất 01 (một) người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam.
- 5. Công ty có quyền thay đổi địa chỉ trụ sở, thành lập Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn.

Chương III.

PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
 - a. Lập quy hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và quy hoạch phát triển các dự án nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân) và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt);
 - b. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu, các dự án nhà máy điện; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp (dự án lưới điện);
 - c. Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn;
 - d. Thiết kế kiến trúc các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình dân dụng, công trình nhà công nghiệp; Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình công nghiệp năng lượng, các công trình nhà máy điện, lưới điện; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ); Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải); Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống công nghệ thông tin công trình dân dụng và công nghiệp; Lập tổng dự toán công trình dân dụng, công trình công nghiệp (năng lượng), công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình giao thông (đường bộ).
 - e. Thẩm tra dự án đầu tư các dự án xây dựng, thẩm định hồ sơ mời thầu các dự án xây dựng nhà máy điện, dự án lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp;
 - f. Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng; Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình công nghiệp: nhà máy điện, dự án lưới điện; Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.
 - g. Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình (phần điện công trình công nghiệp);

- h. Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- i. Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp;
- j. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp;
- k. Thi công khoan cọc bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- l. Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất (*trừ dịch vụ nổ mìn*);
- m. Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác;
- n. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy điện, các công trình lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- o. Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng; Các dịch vụ thí nghiệm tính chất cơ lý đất đá và vật liệu xây dựng;
Giám định trong lĩnh vực xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp (*trừ giám định tư pháp*);
- p. Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas;
- q. Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông;
- r. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp;
- s. Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp;
- t. Xây dựng công trình điện (Chi tiết: Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp năng lượng như đường dây và trạm biến áp);
Lắp đặt hệ thống điện (Chi tiết: Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình);
Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình điện, công trình dân dụng, công nghiệp, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn và cơ sở hạ tầng (*trừ xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội*);
Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Chi tiết: Thi công và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời và hệ thống xây dựng khác);
- u. Hoạt động tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, năng lượng, công nghệ thông tin, quản lý dự án, quản trị doanh nghiệp.
- v. Kiểm toán năng lượng; Kiểm định thiết bị nhà máy điện.

w. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);

Bán buôn vật tư thiết bị ngành điện (trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối như: thuốc lá và xì gà, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).

Bán buôn phần mềm (trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối như: thuốc lá và xì gà, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).

x. Sản xuất điện (Chi tiết: sản xuất điện từ năng lượng mặt trời);

y. Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)).

2. Mục tiêu hoạt động của công ty:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là phát triển toàn diện và bền vững tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty nhằm mang lại lợi ích cao nhất và hài hòa cho người lao động, cổ đông và xã hội.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh được quy định tại Điều 3 của Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Chương IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 95.173.030.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ một trăm bảy mươi ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.517.303 cổ phần (Chín triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm lẻ ba cổ phần) với mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) một cổ phần.

2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.

3. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông mới chào bán phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo hình thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Công ty.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
5. Tùy từng thời kỳ, Công ty có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông cho phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật và Điều lệ này có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển

nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Trường hợp một cổ đông bị chết, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì người thừa kế hợp pháp sẽ được Công ty thừa nhận là người duy nhất (hoặc những người) có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đó khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi được tính bằng tỷ lệ trả cổ tức của Công ty vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị và được tính từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có quyền sau đây:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
 - a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm

trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
8. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; cấm phát tán, sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho bên thứ ba.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội

đồng quản trị được quyền gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp.

Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.
 - a. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
 - Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
 - b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm a và khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
 - c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
 - d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;
 - Công việc khác phục vụ cuộc họp.
- f. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các điểm b, c, d, khoản 3 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.
4. Danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.
- a. Danh sách cổ đông tham dự Đại hội được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách này được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Đối với cổ đông cá nhân phải ghi rõ: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý; đối với cổ đông là tổ chức phải ghi rõ: tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính và số lượng cổ phần, ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;
 - b. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông và có quyền yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - c. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b. Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - c. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;
 - e. Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - g. Thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;

- h. Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong số các đơn vị này hoặc chỉ định một công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; bãi miễn kiểm toán viên độc lập nếu xét thấy cần thiết trên cơ sở đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát;
 - j. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - k. Thông qua tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - l. Quyết định bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - m. Phê duyệt quy chế Quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - n. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - o. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - p. Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - q. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - r. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - s. Quyết định các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Điều lệ này;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó, là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
5. ĐHCĐ giao HĐQT và Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện SXKD hàng năm điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp với tình hình thực tế, không trái với Điều 25 và Điều 32 của Điều lệ này.

Điều 15. Các đại diện theo ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp;
 - d. Trong trường hợp khác thì Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.
3. Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa cho 03 người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Nếu cổ đông là tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
4. Việc ủy quyền cho người đại diện của cổ đông là tổ chức dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
 - d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.
5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng

đối với số cổ phần đã chuyển nhượng, nhưng người nhận chuyển nhượng phải đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Điều lệ này.

7. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 LDN không được cử người có quan hệ gia đình với người quản lý công ty và/hoặc của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện tại công ty khác.
8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông công ty là tổ chức
 - a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông công ty tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;
 - b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện;
 - c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần chỉ có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần nói trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức cuộc họp nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ loại cổ phần nêu trên những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên

quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - d. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - e. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán và trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường họp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa đề xuất quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ các trường họp quy định tại khoản 6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trường họp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 trên thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại khoản 4 của điều này;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
8. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó;
 - b. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định;
 - c. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

1. Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và

tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn vẫn được đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi: tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; hoặc ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
5. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký Đại hội;
 - d. Đại hội bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa Đại hội.
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc và phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa Đại hội có thể hoãn họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (3) ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
8. Trường hợp chủ tọa hoãn họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều 19 này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và các biểu quyết tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 9 Điều 146 của luật Doanh nghiệp.
 9. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các biện pháp mà họ thấy cần thiết và hợp lý để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số tham dự;
 10. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 11. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
 12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó “Địa điểm chính của đại hội”;
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
 13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
 14. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần.

Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều này:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - e. Sáp nhập, tái tổ chức hoặc giải thể Công ty;
 - f. Các dự án đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều này, các Nghị quyết được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì NQ ĐHCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp biểu quyết về các vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông thực hiện theo quy định tại mục a khoản 4 Điều 13 và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức, tên số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã ấn định, hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư, hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. Trường hợp Nghị quyết được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay kể cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
10. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
2. Người chủ trì và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật doanh nghiệp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, có thể thay thế bằng việc đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.
5. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; trừ trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

**Chương VII.
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Cơ cấu HĐQT phải đảm bảo:

- Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên là thành viên HĐQT không điều hành;
 - Tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.
2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
 3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% trở lên được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử đủ số ứng viên tương ứng với số thành viên Hội đồng quản trị.
 4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, thì Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác có thể đề cử thêm ứng cử viên. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.
 5. Tiêu chuẩn và điều kiện đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
 - c. Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Điều lệ này;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty và có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
 - e. Không được là người có quan hệ gia đình với Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty, hoặc của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ.
 6. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được HĐQT chấp thuận;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần mà thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Thành viên là đại diện của cổ đông là tổ chức bị bãi nhiệm khi mất quyền đại diện cho cổ đông là tổ chức đó;

- f. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp nêu trên.
7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty;
 - b. Khi số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - c. Khi thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật (có nghĩa là ít hơn 3 thành viên).

Đối với các trường hợp thuộc điểm a, điểm b và điểm c nêu trên, Đại hội đồng cổ đông phải triệu tập họp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá quy định trên;
 - d. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất;
 - e. Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:
 - a. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo điểm j khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này;
 - b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại mục này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện đó.

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
- b. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); Quyết định, tiền lương, thù lao và quyền lợi khác cho các chức danh đó;
- d. Quyết định cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- e. Quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty;
- f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- g. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại và quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- h. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- j. Đề xuất việc phân phối lợi nhuận tỷ lệ trích lập các quỹ và đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- k. Đề xuất việc tái cơ cấu, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- l. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;
- m. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- o. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- p. Quyết định các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Điều lệ này;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác không thuộc phạm vi được quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này và theo quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các Công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và Liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá một (01) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
11. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp;
 - c. Triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Giám sát, tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức, bị bãi nhiệm, chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự ... thì trong thời hạn mười (10) ngày, các thành viên còn lại bầu một người trong số họ giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo nguyên tắc đa số tán thành.

Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định người đó không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm văn bản thông báo và gửi cho Công ty.
5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; trong trường hợp này những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
 7. Thông báo họp Hội đồng quản trị:
 - a. Thông báo phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp;
 - b. Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
 8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau:
 - a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để

- có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều 36 của Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp khi: tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; hoặc ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định; hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử đến cuộc họp chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc;
 - f. Phiếu biểu quyết gửi đến cuộc họp thông qua thư phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;
 - g. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người có liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
 11. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, hoặc ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử đến cuộc họp chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành từ nhiều bản thì mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (i) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (ii) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

17. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

18. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản

Điều 29. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Công ty.

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức

danh nêu trên phải được thực hiện bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 31. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Trong trường hợp Công ty chưa có Tổng Giám đốc thì người được giao nhiệm vụ Quyền Tổng Giám đốc được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như Tổng Giám đốc.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác. Thông tin về tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc:
 - a. Tổng Giám đốc là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo qui định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc là người có trình độ và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh;
 - c. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.
4. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Tuyển dụng lao động; quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - e. Hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi chung là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật;
 - i. Quyết định các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Điều lệ này.
5. Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu.
 6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Chương IX. THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH

Điều 33. Thẩm quyền đối với hợp đồng, giao dịch

1. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền:

- a. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- b. Thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, giữa Công ty với các cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty hoặc với các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ hoặc với các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc các đại diện ủy quyền của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- c. Thông qua Hợp đồng, giao dịch, vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền:

- a. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty, trừ trường hợp được quy định tại khoản 3 điều này;
- b. Thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, giữa Công ty với các cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty hoặc với các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ hoặc với các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc các đại diện ủy quyền của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, huy động vốn và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ngoại trừ các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều này;
- d. Thông qua các hợp đồng giao thầu có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty.

3. Tổng Giám đốc có thẩm quyền:

- a. Quyết định bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;

- b. Quyết định các hợp đồng nhận thầu không giới hạn về giá trị;
- c. Quyết định hợp đồng giao thầu, mua, bán, vay, cho vay, huy động vốn và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ngoại trừ các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Thành phần Ban kiểm soát.

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
 3. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử một (01) ứng viên, từ 20% trở lên được đề cử tối đa hai (02) ứng viên và từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên, từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
 4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại nêu trên, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

6. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; hoặc vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Kiểm soát viên là đại diện của cổ đông là tổ chức bị bãi nhiệm khi không còn là người đại diện cho cổ đông đó.
7. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật (có nghĩa là ít hơn 3 thành viên) thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu Kiểm soát viên mới thay thế Kiểm soát viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 35. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;

- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này;
- f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty vi phạm quy định tại Điều 165 của luật Doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
- j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- l. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông;
- m. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông;

- n. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - o. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị;
 - p. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
 - q. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - r. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - s. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động;
 - t. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
 - u. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - v. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - w. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - x. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - y. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (2) lần một năm và số lượng Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp phải đạt trên 50% số Kiểm soát viên.

4. Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Chương XI.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác chỉ được xử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty; không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ phải kê khai với Công ty tất cả các lợi ích liên quan của họ có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
3. Công ty không được cấp các khoản vay, hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý, Kiểm soát viên hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện;

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm: thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thông báo kịp thời, đầy đủ chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.
3. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.
5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng

Giám đốc và người quản lý khác để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau:

- a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

Chương XII.

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 2, 3 Điều 11 và khoản 4 Điều 13 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu: Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

Chương XIII. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI

Điều 39. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức.
2. Công ty tôn trọng và không cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp; không cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.
3. Công nhân viên và Công đoàn:
 - a. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 40. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt. Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán

khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 43. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyên đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng

- cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 45. Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập, gửi và công bố báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:
 - a. Điều lệ Công ty;
 - b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc công ty;
 - c. Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Chương XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hằng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo

đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo, các thông tin liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XVIII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 47. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc bị Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc).
3. Trình tự và thủ tục giải thể Công ty phải theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 49. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (6) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia

độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc, chi phí bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của Người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XX.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một tổ chức có chuyên môn làm trung gian hòa giải.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (6) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XXI. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ lần thứ 12 này gồm XXI Chương 52 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 nhất trí thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

NGUYỄN NHƯ HOÀNG TUẤN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3




EVNPECC3

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

MS: QCQLNB-QC-02

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2023


	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 2/19

THÀNH PHẦN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO:

NGƯỜI SOẠN	KIỂM TRA	DUYỆT
Họ & tên: Nguyễn Văn Long Chức vụ: Chánh Văn phòng	Họ & tên: Lạc Thái Phước Chức vụ: Q. Tổng Giám đốc	Họ & tên: Nguyễn Như Hoàng Tuấn Chức vụ: Chủ tịch HĐQT


TÓM TẮT SỬA ĐỔI:

Lần sửa đổi	Ngày sửa	Tóm tắt nội dung sửa đổi
05	22/6/2023	<i>Bổ sung quy định về việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và được Đại hội đồng cổ đông ngày 22/6/2023 thông qua.</i>

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 3/19

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 3. Hội đồng quản trị	11
Điều 4. Ban Kiểm soát	16
Điều 5. Tổng Giám đốc	17
Điều 6. Các hoạt động khác	18
Điều 7. Hiệu lực thi hành	18

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 4/19

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TVĐ3-HĐQT ngày 22/6/2023)

Căn cứ:

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 22 tháng 6 năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:


Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. **Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:** Theo Điều 14 và khoản 1 Điều 33 của Điều lệ Công ty.
2. **Các hình thức họp ĐHĐCĐ gồm:**

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 5/19


- a) *Họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;*
- b) *Họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;*
- c) *Họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến;*
- d) *Họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.*

Hội đồng quản trị được phép căn cứ tình hình, điều kiện thực tế quyết định lựa chọn phương thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp.


3. Trình tự, thủ tục chi tiết của các hình thức họp ĐHĐCĐ:

3.1 Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 13 Điều lệ Công ty.
- b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Phiếu biểu quyết.
 - Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3.1 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

 EVNPECC3	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 6/19

- e) Chương trình nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội dựa trên danh sách cổ đông của Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt;
 - Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- f) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Theo khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.
- g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức ghi trong thông báo mời họp. Chủ tọa có quyền từ chối không cho cổ đông không đăng ký tham dự vào phòng họp Đại hội đồng cổ đông.
- h) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: Theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.
- i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ Công ty.
- j) Cách thức bỏ phiếu: Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Phiếu biểu quyết hợp lệ và có chữ ký của cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.
Cổ đông có thể bỏ phiếu bằng thư bảo đảm (nếu có yêu cầu).
Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung chính: Theo khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty.
- k) Cách thức kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của Chủ tọa, tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết.
Đối với những vấn đề nhạy cảm, Chủ tọa có thể mời cổ đông tham gia giám sát việc kiểm phiếu hoặc nếu cổ đông yêu cầu thì phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.
- l) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua: Theo quy định tại Điều 20 Điều lệ

 EVNPECC3	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 7/19

Công ty.

- m) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.
- n) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.
- o) Lập biên bản họp Đại hội cổ đông: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông do thư ký Đại hội lập ngay tại cuộc họp và phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.
- p) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi nhận tại Nghị quyết.

Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu kèm theo trong biên bản họp, nghị quyết (nếu có) phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

3.2 Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:


- a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Thực hiện theo khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty.
- b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Công ty.

3.3 Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến. ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến là hình thức sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của Đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp. Cổ đông tham dự họp trực tuyến có thể theo dõi Đại hội từ các địa điểm khác nhau, trong và ngoài nước thông qua các phương tiện điện tử như máy tính, điện thoại thông minh hoặc công nghệ khác phù hợp.

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến gồm nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

 EVNPECC3	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 8/19

Cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, cụ thể người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ gửi thông báo mời họp và các tài liệu của cuộc họp cho các Cổ đông của Công ty hoặc đăng tải các tài liệu này lên website của Công ty. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các Cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội đã được gửi cho Cổ đông và/hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Theo đó, Cổ đông sẽ truy cập vào đường dẫn do Ban tổ chức đại hội công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách Cổ đông để tham dự họp.

Cổ đông chỉ được cho phép tham dự cuộc họp trực tuyến khi đã kê khai và xác thực tư cách Cổ đông. Ban tổ chức cũng đảm bảo rằng quyền truy cập của Cổ đông là duy nhất và mỗi Cổ đông chỉ có một tài khoản duy nhất để truy cập vào phòng họp trực tuyến tại một thời điểm nhất định.

Ban tổ chức cũng sẽ cung cấp cho các Cổ đông thông tin của người hỗ trợ kỹ thuật cũng như đường dây nóng để hỗ trợ Cổ đông truy cập và tham gia cuộc họp.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông có thể ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần có quyền biểu quyết của mình cho cá nhân hoặc tổ chức khác (“Người đại diện của Cổ đông”) thay mặt Cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến và/hoặc thực hiện bỏ Phiếu điện tử.

Việc ủy quyền được xem là hợp lệ và có giá trị pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.


d) Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số Cổ đông tham dự họp đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

e) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ Công ty.

f) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 9/19

Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các Cổ đông có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang thiết bị điện tử mà Công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các Cổ đông trước mỗi kỳ đại hội.

Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp cũng có thể thực hiện biểu quyết thông qua thư điện tử/fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ email, số fax hoặc địa chỉ nhận thư do Ban tổ chức cung cấp với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của Cổ đông trước khi kết thúc kiểm phiếu.

g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Ban Tổ chức sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các Cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà Cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp đã biểu quyết bằng hình thức biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác, và số lượng Phiếu biểu quyết mà Cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp gửi về bằng đường bưu điện, thư điện tử và fax. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.


i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức và bao gồm các nội dung như việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định cụ thể tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

3.4 *Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến*

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 10/19

Bên cạnh việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và/hoặc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo cách thức như nêu tại khoản 2 và khoản 4 của Điều 2 Quy chế này, tùy theo tình hình thực tế mà Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp tại địa điểm diễn ra đại hội hoặc tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến bằng các phương tiện công nghệ hiện đại. Theo đó, tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, Ban tổ chức sẽ bố trí thêm các màn hình chiếu, máy vi tính, các thiết bị thu và phát sóng âm thanh, hình ảnh có kết nối internet để có thể truyền hình trực tiếp diễn biến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho các Cổ đông khác tham dự trực tuyến, đảm bảo đường truyền kết nối ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa việc họp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quyền lợi giữa các Cổ Đông.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến này được thực hiện như sau:

- Đối với các Cổ đông tham dự họp trực tiếp: Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự như cách thức đăng ký họp trực tiếp được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 2 Quy chế này.
- Đối với các Cổ đông tham dự họp trực tuyến: Cổ đông thực hiện đăng ký như hướng dẫn tại điểm a khoản 4 Điều 2 Quy chế này.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền được xem là hợp lệ và có giá trị pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.


d) Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số Cổ đông/Người được ủy quyền dự họp tham dự trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

e) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ Công ty.

f) Cách thức bỏ phiếu

 EVNPECC3	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 11/19

Cổ đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức: (i) bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội, (ii) gửi phiếu biểu quyết về cho người triệu tập cuộc họp bằng đường bưu điện/email/fax, hoặc (iii) bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác.

g) Cách thức kiểm phiếu

Công ty sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các Cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên (i) số lượng phiếu mà Cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp đã biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác; (ii) số phiếu mà Cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp (được bỏ vào thùng phiếu); và (iii) số lượng Phiếu biểu quyết mà Cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp gửi qua bưu điện, thư điện tử hoặc fax.

Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện tổng hợp tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cả ba cách thức trên theo từng nội dung chương trình họp và chia cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội để xác định tỷ lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến tương ứng cho từng vấn đề được biểu quyết, từ đó xác định vấn đề cần biểu quyết có đủ tỷ lệ để thông qua hay không.

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông


Ban thư ký sẽ thực hiện lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngay tại cuộc họp và trình cho Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung như quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông


Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị: Được thực hiện theo Điều 25 và khoản 2 Điều 33 Điều lệ Công ty.
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

 EVNPECC3	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 12/19

- a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Theo khoản 1, 5 và 8 Điều 24 Điều lệ Công ty.
- c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị; Theo khoản 5 Điều 11 và khoản 3, 4 Điều 24 Điều lệ Công ty.
- d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:
 - Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức dồn phiếu: Mỗi Cổ đông sẽ có tổng số phiếu biểu quyết bằng tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện nhân (x) với số thành viên Hội đồng quản trị được bầu. Cổ đông có quyền dồn hết số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
 - Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.
- e) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: Theo khoản 6, khoản 7 Điều 24 Điều lệ Công ty.
- f) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Theo các quy định về công bố thông tin.
- g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% trở lên được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử đủ số ứng viên tương ứng với số thành viên Hội đồng quản trị.
- h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 13/19

viên Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và được thanh toán các khoản chi phí khi thực hiện nghĩa vụ của Hội đồng quản trị. Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty và các Công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
- c) Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí mà Công ty đã thanh toán hoặc cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý;

Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một lần vào tuần lễ đầu tiên của mỗi quý.

- b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;


Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;
- Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- Đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

- c) Thông báo họp Hội đồng quản trị;

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị và các thành phần khác trước ngày họp tối thiểu năm (03) ngày làm việc. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp phải gửi thêm các phiếu biểu quyết.

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Những người

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 14/19

được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

e) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

f) Cách thức biểu quyết:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp: Theo khoản 9 Điều 28 Điều lệ;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 28 Điều lệ;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.


g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành từ nhiều bản thì mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 15/19

(01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

- j) Trường hợp Chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

- k) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Sau mỗi kỳ họp, các quyết định của Hội đồng quản trị được gửi cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc trong vòng ba (03) ngày, kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định.


5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

- b) Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

- c) Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 16/19

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.


6. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

Người phụ trách quản trị Công ty sau khi được bổ nhiệm, miễn nhiệm được thông báo theo các quy định công bố thông tin.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên: Theo khoản 1 Điều 34 Điều lệ Công ty
2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Ban Kiểm soát;


Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - b) Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên (kiểm soát viên): Theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Điều lệ Công ty.
 - c) Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên;
 - Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử một (01) ứng viên, từ 20% trở lên được đề cử tối đa hai (02) ứng viên và từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên, từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
 - Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 - d) Cách thức bầu Kiểm soát viên:
 - Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức dồn phiếu: Mỗi cổ đông sẽ có tổng số phiếu biểu quyết bằng tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện nhân (x) với số Kiểm soát viên được bầu. Cổ đông có quyền dồn hết số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 17/19

- Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.
- e) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên: Theo khoản 6 Điều 34 của Điều lệ Công ty.
- f) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:
Được thực hiện theo các quy định về công bố thông tin
- g) Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên:
Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; Theo khoản 4 Điều 32 và khoản 3 Điều 33 Điều lệ Công ty.
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.
 - a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc
Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - b) Tiêu chuẩn và điều kiện để được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc:
 - Tổng Giám đốc là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - Là người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc là người có trình độ và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh;
 - Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ.
3. Miễn nhiệm, Bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên

	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 18/19

Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc: Theo các quy định của việc Công bố thông tin
5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.


Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này bao gồm 07 Điều và thay thế cho Quy chế được ban hành theo Quyết định số: 0100/QĐ-TVĐ3-HĐQT ngày 04/5/2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan khác với những

 EVNPECC3	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần bh: 05	Mã số: QCQLNB- QC-02
	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	Ngày bh: 22/6/2022	Trang: 19/19

điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh./.